

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: **Hệ thống thông tin quản lý**

(Management Information Systems – MIS)

Chuyên ngành: **Hệ thống thông tin kế toán**

(Accounting Information System)

Bậc đào tạo: **Đại học**

Hệ: **Chính quy**

Hình thức đào tạo: **Tín chỉ**

Khóa tuyển sinh: **2021**

Tp.Hồ Chí Minh, Tháng 10 năm 2021

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHTCM, ngày tháng năm 2021
của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Marketing)*

Tên chương trình (Tiếng Việt) : **Hệ thống thông tin kế toán**
Tên chương trình (Tiếng Anh) : **Accounting Information System**
Trình độ đào tạo : **Đại học**
Ngành đào tạo : **Hệ thống thông tin quản lý** Mã số: **7340405**

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân chuyên ngành Hệ thống thông tin kế toán có khả năng thực hành thành thạo nghiệp vụ kế toán với công cụ phân tích và phần mềm chuyên ngành; có khả năng tư vấn , phân tích, thiết kế, quản trị các hệ thống thông tin kế toán để giải quyết các vấn đề kinh doanh, quản lý, và đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực chất lượng thích ứng với yêu cầu cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu 1: Người học nắm vững những kiến thức đại cương và lập luận ngành như: khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, kiến thức nền tảng về công nghệ thông tin và quản trị hệ thống thông tin kế toán.

Mục tiêu 2: Người học có hiểu biết sâu sắc và áp dụng được kiến thức chuyên sâu về kế toán, hệ thống thông tin và ngôn ngữ lập trình để vận dụng vào lĩnh vực thiết kế, vận hành hệ thống thông tin kế toán trong tổ chức, doanh nghiệp.

Mục tiêu 3: Người học có khả năng hoạch định, phân tích, thiết kế, mô hình hóa, quản trị hệ thống thông tin kế toán cho tổ chức hoặc doanh nghiệp.

Mục tiêu 4: Người học có khả năng tư vấn, đánh giá, lựa chọn, đề xuất các giải pháp liên quan đến hệ thống thông tin kế toán dựa trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại và dữ liệu để giải quyết các vấn đề quản trị cụ thể trong quản lý và điều hành tổ chức, doanh nghiệp.

Mục tiêu 5: Người học phát triển được năng lực ngoại ngữ, kỹ năng mềm cần thiết để triển khai, vận hành các hệ thống thông tin kế toán trong tổ chức, doanh nghiệp.

Mục tiêu 6: Người học phát triển được năng lực và phẩm chất cá nhân, trách nhiệm xã hội, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và ý thức học tập nâng cao trình độ.

2. CHUẨN ĐẦU RA

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
Kiến thức	K1. Hiểu rõ kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.	Mức 2
	K2. Vận dụng kiến thức về công nghệ thông tin, kế toán đáp ứng yêu cầu công việc trong thực tiễn.	Mức 4
	K3. Có kiến thức chuyên sâu về phân tích, thiết kế, mô hình hóa, quản trị hệ thống thông tin.	Mức 5
	K4. Có kiến thức chuyên sâu về các hệ quản trị cơ sở liên quan đến hệ thống thông tin kế toán.	Mức 6
	K5. Có kiến thức về an toàn và bảo mật các hệ thống thông tin và mạng máy tính để lựa chọn giải pháp đảm bảo an toàn, bảo mật hệ thống thông tin kế toán.	Mức 4
	K6. Có kiến thức để quản lý các đề án, dự án và nhóm đề án khi xây dựng và triển khai các hệ thống thông tin kế toán	Mức 4
	K7. Có kiến thức về các ngôn ngữ lập trình được ứng dụng trong lĩnh vực được ứng dụng trong lĩnh vực kế toán doanh nghiệp.	Mức 4
Kỹ năng	S1. Kỹ năng thu thập, xử lý và tổng hợp thông tin	Mức 4
	S2. Kỹ năng lập phương án tổ chức, phân tích và thiết kế hệ thống thông tin kế toán cho tổ chức, doanh nghiệp	Mức 5
	S3. Kỹ năng quản trị cơ sở dữ liệu, quản trị hệ thống thông tin kế toán phục vụ kinh doanh của doanh nghiệp	Mức 4
	S4. Đề xuất các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin giải quyết các bài toán liên quan đến lĩnh vực kế toán trong thực tiễn	Mức 6
	S5. Kỹ năng sử dụng thành thạo các công cụ phần mềm để xây dựng ứng dụng	Mức 5

	S6. Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng để hoàn thành công việc	Mức 4
	S7. Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam	Mức 3
Mức tự chủ và trách nhiệm	A1. Có hiểu biết về nhu cầu và khả năng định hướng nghề nghiệp	Mức 4
	A2. Có năng lực nghiên cứu độc lập và làm việc nhóm, tư duy, sáng tạo khi tham gia xây dựng và triển khai hệ thống thông tin kế toán tại doanh nghiệp	Mức 6
	A3. Có phẩm chất đạo đức, kỷ luật, ý thức về trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp và tác phong công nghiệp	Mức 6
	A4. Có ý thức tự học, cầu tiến, cầu thị và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Mức 6
	A5. Có khả năng thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau	Mức 3
	A6. Có sức khỏe tốt và ý thức công dân để đạt được năng lực tự chịu trách nhiệm công dân	Mức 3
	A7. Có khả năng hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định	Mức 5

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:

- Thời gian đào tạo: 4 năm.

- Thời gian học tập tối đa: 7 năm. Nghĩa là sinh viên có thể học chậm hoặc bảo lưu trong quá trình học, tuy nhiên tổng thời gian không quá 7 năm tính từ thời điểm sinh viên nhập học vào trường, nếu quá 7 năm sinh viên không đủ điều kiện tốt nghiệp, kết quả học tập sẽ bị hủy.

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA

Gồm 121 tín chỉ, chưa tính Giáo dục thể chất (4 tín chỉ), Giáo dục quốc phòng (9 tín chỉ) và các học phần kỹ năng mềm.

5. TUYỂN SINH

5.1. Chỉ tiêu tuyển sinh: Theo Đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Tài chính – Marketing..

5.2. Đối tượng tuyển sinh: Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

5.3. Điều kiện nhập học: trúng tuyển theo Đề án tuyển sinh hàng năm của trường.

6. ĐÀO TẠO

6.1. Quy trình đào tạo: Thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ tại Trường Đại học Tài chính – Marketing, ban hành kèm theo Quyết định số 1329/QĐ/ĐHTCM, ngày 16/7/2021 của trường Đại học Tài chính – Marketing.

6.2. Địa điểm đào tạo

Tại các cơ sở của trường Đại học Tài chính – Marketing và các doanh nghiệp.

6.3. Đơn vị phối hợp đào tạo

STT	Tên doanh nghiệp	Lĩnh vực hợp tác	Lĩnh vực hoạt động
1	Công ty TMA Solutions	Giảng dạy, tham quan, thực tập, báo cáo chuyên đề, hướng dẫn thực tập	CNTT
2	Công ty Cổ phần Phần mềm Quản lý Doanh nghiệp FAST	Tài trợ phần mềm FAST Accounting, tài trợ học bổng, giảng dạy, tham quan, thực tập, báo cáo chuyên đề, hướng dẫn thực tập	CNTT
3	Công ty Cổ phần MISA	Tài trợ phần mềm SME.NET, tài trợ học bổng, giảng dạy, tham quan, thực tập, báo cáo chuyên đề, hướng dẫn thực tập	CNTT
4	Công ty TNHH Giải pháp Doanh nghiệp Toàn cầu (GESO)	Tài trợ phần mềm Sales Up ERP, tài trợ học bổng, giảng dạy, tham quan, thực tập, báo cáo chuyên đề	CNTT
5	Công ty TNHH Tin học và Phần mềm Sài Gòn Tâm điểm (SAIGONPOINT)	Tài trợ phần mềm Care Accounting, tài trợ học bổng, giảng dạy, tham quan, thực tập, báo cáo chuyên đề	CNTT
6	Trường Cao đẳng Sài Gòn Trung tâm ISC Quang Trung	Giảng dạy, tham quan, thực tập, báo cáo chuyên đề, hướng dẫn thực tập	CNTT
7	Công ty Cổ phần Phần mềm	Giảng dạy, tham quan, thực tập, báo cáo chuyên đề, hướng dẫn	CNTT

STT	Tên doanh nghiệp	Lĩnh vực hợp tác	Lĩnh vực hoạt động
	ROSY	thực tập	
8	Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ S FACTORS	Giảng dạy, tham quan, thực tập, báo cáo chuyên đề, hướng dẫn thực tập	CNTT
9	Công ty Cổ phần Tư vấn và Đào tạo SMARTPRO (Đối tác đào tạo ủy quyền của Oracle tại Việt Nam)	Giảng dạy, tham quan, thực tập, báo cáo chuyên đề, hướng dẫn thực tập	CNTT
10	Công ty NASHTECH	Giảng dạy, tham quan, thực tập, báo cáo chuyên đề, hướng dẫn thực tập	CNTT
11	Công ty TNHH Acxon Active Việt Nam	Giảng dạy, tham quan, thực tập, báo cáo chuyên đề, hướng dẫn thực tập	CNTT
12	Công ty Resource Software Solution (R2S)	Giảng dạy, tham quan, thực tập, báo cáo chuyên đề, hướng dẫn thực tập	CNTT
13	Tập Đoàn Thế Giới Di động	Tham quan, thực tập, báo cáo chuyên đề, hướng dẫn thực tập	Nhiều lĩnh vực
14	Công ty Cổ phần Công nghệ Trường Minh Thịnh	Tham quan, thực tập, báo cáo chuyên đề, hướng dẫn thực tập	CNTT
15	Công ty FPT Telecom	Tham quan, thực tập, báo cáo chuyên đề, hướng dẫn thực tập	CNTT
16	Công ty Phần mềm Bravo	Tham quan, thực tập, báo cáo chuyên đề, hướng dẫn thực tập	CNTT

7. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

- Tích lũy đủ 121 tín chỉ (không kể giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng – an ninh) và thỏa các điều kiện theo Quy định ở Điều 22, chương III, Quy định về tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ của trường, ban hành kèm theo quyết định số 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/07/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing; Quy định về chuẩn đầu ra của trường đối với bậc đại học hệ chính quy.

- Điều kiện về trình độ tiếng Anh: đạt bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

- Có chứng chỉ Giáo dục an ninh quốc phòng.

- Kỹ năng mềm: hoàn thành 4 trong 8 kỹ năng như sau:

Hoàn thành 2 trong 4 kỹ năng cần cho sinh viên trong việc học đại học:

- Kỹ năng thuyết trình
- Kỹ năng Làm việc nhóm
- Kỹ năng Quản lý thời gian
- Kỹ năng Tư duy sáng tạo

Hoàn thành 2 trong 4 kỹ năng thuộc nhóm kỹ năng cần cho sinh viên trong làm việc:

- Kỹ năng Giao tiếp
- Kỹ năng Giải quyết vấn đề
- Kỹ năng tìm việc
- Kỹ năng Khám phá bản thân và lập kế hoạch nghề nghiệp.

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

STT/ mã HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	SỐ TIẾT				GHI CHÚ
			LT	TH tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Tự học	
1. Kiến thức giáo dục đại cương: 34 tín chỉ							
1.1 Lý luận chính trị: 11 tín chỉ							
120090	Triết học Mác - Lênin	3	45			90	
120091	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30			60	
120092	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			60	
120093	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30			60	
120017	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			60	
1.2 Khoa học xã hội: 3 tín chỉ							
120019	Pháp luật đại cương	3	45			90	
1.3 Ngoại ngữ: 12 tín chỉ							
120001	Tiếng Anh tổng quát 1	3	30		15	90	TOEIC ≥ 300
120002	Tiếng Anh tổng quát 2	3	30		15	90	TATQ1
120003	Tiếng Anh tổng quát 3	3	30		15	90	TATQ2
120004	Tiếng Anh tổng quát 4	3	30		15	90	TATQ3

STT/ mã HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	SỐ TIẾT				GHI CHÚ
			LT	TH tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Tự học	
1.4 Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên: 8 tín chỉ							
120086	Toán cao cấp	4	45	15		120	
120089	Tin học đại cương	4	45		30	120	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 87 tín chỉ							
2.1 Kiến thức cơ sở ngành: 18 tín chỉ							
120087	Kinh tế vi mô 1	3	45			90	
120010	Kinh tế vĩ mô 1	3	45			90	
120011	Nguyên lý kế toán	3	30	15		90	
120020	Quản trị học	3	30	15		90	
120009	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	30	15		90	
120021	Toán rời rạc	3	30	15		90	
2.2 Kiến thức ngành: 21 tín chỉ							
120022	Hệ thống thông tin quản lý	3	20	10	30	90	
120088	Cơ sở lập trình	3	20	10	30	90	
120088	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	20	10	30	90	
120023	Cơ sở dữ liệu	3	20	10	30	90	
120028	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	3	17	13	30	90	
120027	An toàn thông tin	3	30		30	90	
120030	Điện toán đám mây	3	30		30	90	
2.2 Kiến thức chuyên ngành: 34 tín chỉ							
Học phần bắt buộc							
120024	Kế toán máy	4	20	10	60	120	

STT/ mã HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	SỐ TIẾT				GHI CHÚ
			LT	TH tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Tự học	
120025	Lập trình kế toán	4	30		60	120	
120057	Lập trình Web	3	30		30	90	
120029	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	22	8	30	90	
120031	Kế toán tài chính 1	3	32	13		90	
120032	Kế toán tài chính 2	3	30	15		90	
120033	Kế toán tài chính 3	3	20	25		90	
120034	Hệ thống thông tin kế toán	3	30	15		90	
120041	Thực hành nghề nghiệp	2			90	60	
Học phần tự chọn: chọn 8 tín chỉ							
120061	Phân tích và thiết kế hướng đối tượng	3	17	13	30	90	
120037	Quản trị dự án công nghệ thông tin	3	30		30	90	
120035	Kiểm thử phần mềm	3	30		30	90	
120038	Phát triển hệ thống thông tin trên các framework	3	30		30	90	
120039	Hệ hỗ trợ ra quyết định	3	30		30	90	
120040	Quản trị web	3	30		30	90	
120051	Thương mại điện tử	2	15	15		60	
2.2 Kiến thức bổ trợ ngành: chọn 6 tín chỉ							
120042	Kế toán chi phí	3	30	15		90	
120043	Kế toán quản trị 1	3	30	15		90	
120044	Phân tích tài chính	3	30	15		90	

STT/ mã HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	SỐ TIẾT				GHI CHÚ
			LT	TH tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Tự học	
120045	Kế toán thuế	3	30	15		90	
120046	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	30	15		90	
120047	Tài chính doanh nghiệp 1	3	30	15		90	
120048	Kiểm toán căn bản	3	30	15		90	
3. Tốt nghiệp: 6 tín chỉ							
120099	Khoá luận tốt nghiệp	6			270	180	
Hoặc Thực tập cuối khóa và học phần thay thế							
120050	Thực tập cuối khóa	3			135	90	
120040	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu nâng cao	3	20	10	30	90	
Tổng cộng toàn khóa		121					

Ghi chú: những sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp sẽ phải học bổ sung thêm 2 HP (6 tín chỉ)

9. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (DỰ KIẾN):

Năm 1:

TT	HỌC PHẦN	T C	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Toán cao cấp	4		
2	Tin học đại cương	4		Phòng máy
3	Cơ sở lập trình	3		Phòng máy
4	Kinh tế vi mô 1	3		
5	Triết học Mác – Lênin	3		
6	Tiếng Anh tổng quát 1	3		
7	Kinh tế vĩ mô 1	3	Kinh tế vi mô 1	

TT	HỌC PHẦN	T C	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
8	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	Cơ sở lập trình	Phòng máy
9	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng	3	Toán cao cấp	
10	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	Triết học Mác – Lênin	
11	Giáo dục thể chất	2		
12	Giáo dục quốc phòng (theo kế hoạch của trường)			
	Cộng (không kể GDTC & GDQP)	31		

Năm 2:

TT	HỌC PHẦN	T C	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác - Lênin	
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác - Lênin Chủ nghĩa xã hội khoa học	
3	Nguyên lý kế toán	3		
4	Quản trị học	3	Kinh tế vi mô 1 Kinh tế vĩ mô 1	
5	Toán rời rạc	3	Toán cao cấp, Cơ sở lập trình	
6	Tiếng Anh tổng quát 2	3	Tiếng Anh tổng quát 1	
7	Cơ sở dữ liệu	3	Tin học đại cương	Phòng máy
8	Tiếng Anh tổng quát 3	3	Tiếng Anh tổng quát 2	
9	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác - Lênin Chủ nghĩa xã hội khoa học	

TT	HỌC PHẦN	T C	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
10	Hệ thống thông tin quản lý	3	Tin học đại cương	Phòng máy
11	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	Cơ sở dữ liệu	Phòng máy
12	Pháp luật đại cương	3		
13	Giáo dục thể chất	2		
14	Giáo dục quốc phòng (theo kế hoạch của trường)			
	Cộng (không kể GDTC & GDQP)	33		

Năm 3:

TT	HỌC PHẦN	T C	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Tiếng Anh tổng quát 4	3	Tiếng Anh tổng quát 3	
2	Kế toán tài chính 1	3	Nguyên lý kế toán	
3	Điện toán đám mây	3		Phòng máy
4	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	3	Cơ sở dữ liệu	Phòng máy
5	Kế toán tài chính 2	3	Kế toán tài chính 1	
6	Lập trình kế toán	4	Nguyên lý kế toán, Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Phòng máy
7	Kế toán máy	4	Nguyên lý kế toán	Phòng máy
8	Thực hành nghề nghiệp	2	Các HP cơ sở ngành	
8	Học phần tự chọn: 8 tín chỉ trong nhóm			
	Phân tích và thiết kế hướng đối tượng	3	Cơ sở dữ liệu	Chọn 8 tín chỉ, học tại phòng máy
	Quản trị dự án công nghệ thông tin	3	Hệ thống thông tin quản lý	
	Kiểm thử phần mềm	3	Lập trình C#.NET	
	Phát triển hệ thống thông tin trên các framework	3	Lập trình C#.NET	
	Hệ hỗ trợ ra quyết định	3	Cơ sở dữ liệu	
	Quản trị web	3	Lập trình web	

TT	HỌC PHẦN	T C	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
	Thương mại điện tử	2	Cơ sở dữ liệu	
9	Học phần bổ trợ: Chọn 3 tín chỉ trong nhóm			
	Kế toán chi phí	3	Kế toán tài chính 1	Chọn 3 tín chỉ
	Kế toán quản trị 1	3	Kế toán tài chính	
	Phân tích tài chính	3	Tài chính doanh nghiệp 1	
	Kế toán thuế	3	Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính 3	
	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính 1	
	Tài chính doanh nghiệp 1	3	Nguyên lý kế toán	
	Kiểm toán căn bản	3	Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính 1	
	Cộng	36		

Năm 4:

TT	HỌC PHẦN	T C	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	An toàn thông tin	3	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	Phòng máy
2	Hệ thống thông tin kế toán	3	Nguyên lý kế toán	Phòng máy
3	Kế toán tài chính 3	3		
4	Lập trình Web	3	Cấu trúc dữ liệu & giải thuật	Phòng máy
5	Thực hành nghề nghiệp	2		
6	Học phần bổ trợ: Chọn 3 tín chỉ trong nhóm			
	Kế toán chi phí	3	Kế toán tài chính 1	Chọn 3 tín chỉ
	Kế toán quản trị 1	3	Kế toán tài chính	
	Phân tích tài chính	3	Tài chính doanh nghiệp 1	
	Kế toán thuế	3	Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính 3	
	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính 1	

TT	HỌC PHẦN	T C	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
	Tài chính doanh nghiệp 1	3	Nguyên lý kế toán	
	Kiểm toán căn bản	3	Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính 1	
7	Khóa luận tốt nghiệp	6	Các học phần chuyên ngành	
Hoặc Thực tập cuối khóa và học phần thay thế				
	Thực tập cuối khóa	3	Các học phần kiến thức cơ sở ngành	
	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu nâng cao	3	Cơ sở dữ liệu	Phòng máy
	Cộng	21		

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

10.1. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo

– Sau khi kế hoạch đào tạo đã được phê duyệt. Khoa sẽ phối hợp với Phòng Quản lý Đào Tạo, Phòng Khảo thí và Quản lý Chất lượng và các Phòng, Ban khác tổ chức, triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo theo kế hoạch từng năm và học kỳ. Hàng năm Khoa sẽ xem xét hoàn chỉnh đề cương các học phần thuộc khoa quản lý trong các chuyên ngành của khoa, xây dựng các kế hoạch thực hành cho từng chuyên ngành và kế hoạch thực tập tốt nghiệp.

– Khoa chịu trách nhiệm phân công giáo viên giảng, mời chuyên gia, doanh nghiệp tham gia giảng dạy, theo dõi nội dung giảng dạy phù hợp với yêu cầu đề cương học phần. Tổ chức đánh giá kết quả học tập theo đúng quy chế của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo.

– Trong quá trình tổ chức thực hiện sẽ đề xuất những yêu cầu cần thiết về cơ sở vật chất và các phương tiện giảng dạy phục vụ cho quá trình đào tạo. Hoặc đề xuất những thay đổi về phương pháp giảng dạy thích nghi với tình hình thực tế.

10.2. Phương pháp đào tạo

- Trọng số đánh giá học phần tất cả các học phần trong chương trình đào tạo:

+ Điểm quá trình: 50%.

+ Điểm thi kết thúc học phần: 50%.

– Điểm quá trình sẽ kết hợp nhiều hình thức kiểm tra: bài tập nhóm, bài tập về nhà, thảo luận, thuyết trình,...;

- Tất cả học phần cơ sở ngành và chuyên ngành có hình thức thi cuối kỳ là thi thực hành hoặc làm đề án môn học để đánh giá năng lực người học qua từng học phần;
- Các học phần thực hành nghề nghiệp và thực tập khóa luận tốt nghiệp sẽ đánh giá theo tiến độ và kết quả sinh viên làm được với sự tham gia đánh giá từ doanh nghiệp;
- Lập kế hoạch và tổ chức dự giờ đối với giảng viên;
- Khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên đối với giảng viên sau khi kết thúc giảng dạy học phần;
- Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập được đặt dưới sự tổ chức của phòng Khảo thí và Quản lý Chất lượng kết hợp với phòng Thanh Tra Giáo dục của Nhà Trường để đảm bảo sự khách quan, công bằng đối với mọi sinh viên;
- Việc công bố kết quả môn học được thực hiện trên website của phòng Khảo Thí - Quản lý chất lượng trong thời gian ngắn nhất, đảm bảo sinh viên nhanh chóng biết được kết quả học tập của mình để chuẩn bị kế hoạch cho những học kỳ tiếp theo trong suốt khóa học;
- Tiến hành kiểm tra đánh giá chương trình đào tạo qua từng năm và khóa học;
- Tổ chức họp và đúc kết kinh nghiệm về nội dung và phương pháp đào tạo, rà soát lại mục tiêu, nội dung chương trình và cập nhật các học phần mới theo xu hướng phát triển khoa học và công nghệ mới để chương trình đào tạo ngày càng hoàn thiện và mang tính thực tiễn cao.
- Đánh giá kết quả học tập: đánh giá kết quả học tập sẽ theo yêu cầu từng môn học theo kế hoạch Khoa đã duyệt, phù hợp với quy chế của Bộ Giáo Dục – Đào tạo và các văn bản của Trường.

11. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH

11.1. Triết học Mác-Lê nin

Số tín chỉ: 3

Học phần học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Nội dung thực hiện theo công văn số 4890/QĐ-BGDĐT, ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Phê duyệt chương trình, giáo trình sử dụng chung các môn Lý luận chính trị đối với đào tạo trình độ đại học các ngành không chuyên về lý luận chính trị. Học phần mở đầu bằng việc trình bày khái lược các nội dung trọng tâm và quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa Mác-Lênin nhằm đưa đến ra cái nhìn tổng quát về đối tượng, phạm vi của học phần và vai trò của triết học triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Giới thiệu những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận triết học Mác-Lênin vừa là điều kiện tiên quyết để nghiên cứu toàn bộ hệ thống lý luận của

chủ nghĩa Mác-Lênin, vừa là điều kiện cơ bản để vận dụng nó một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn để giải quyết những vấn đề mà đời sống xã hội của đất nước, của thời đại đang đặt ra. Bên cạnh đó học phần còn giúp người học hình thành thế giới quan và phương pháp luận triết học, bộ phận lý luận nền tảng của chủ nghĩa Mác-Lênin.

Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: K1, S6, A3, A4

11.2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin

Số tín chỉ: 2

Học phần học trước: Triết học Mác-Lênin

Tóm tắt nội dung học phần: Nội dung của học phần thực hiện theo công văn số 4890/QĐ-BGDĐT, ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Phê duyệt chương trình, giáo trình sử dụng chung các môn Lý luận chính trị đối với đào tạo trình độ đại học các ngành không chuyên về lý luận chính trị. Học phần bao gồm 6 chương, với các nội dung sau:

- Khái quát sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác – Lênin; đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin.
- Sự ra đời phát triển của sản xuất hàng hóa; nguồn gốc, bản chất và chức năng cơ bản của tiền; dịch vụ và các hàng hóa đặc biệt; thị trường và các chủ thể tham gia thị trường.
- Sự sản xuất giá trị thặng dư là cơ sở tồn tại và phát triển của chủ nghĩa tư bản; sự tích lũy tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư.
- Lý luận của Lênin về cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; vấn đề độc quyền và độc quyền nhà nước.
- Tính tất yếu khách quan và đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay; vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam hiện nay.
- Công nghiệp hóa – hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và sự phát triển của khoa học công nghệ hiện nay.

Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT: K1, S6, A3, A4

11.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Số tín chỉ: 2

Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Tóm tắt nội dung học phần: Nội dung học phần thực hiện theo công văn số 4890/QĐ-BGDĐT, ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Phê duyệt chương trình, giáo trình sử dụng chung các môn Lý luận chính trị đối với đào tạo trình độ đại học các ngành không chuyên về lý luận chính trị.

Giúp người học nắm được những quy luật và tính quy luật Chính trị - Xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển hình thái kinh tế xã hội Cộng Sản Chủ Nghĩa, những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp. Đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân để xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K1, S6, A3, A4

11.4. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

Số tín chỉ: 2

Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác – Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học

Tóm tắt nội dung học phần: Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng, quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2021). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa..

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K1, S6, A3, A4

11.5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Số tín chỉ: 2

Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác – Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho bậc đại học – Không chuyên ngành lý luận chính trị) gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Khái niệm, đối tượng, phương pháp, nghiên cứu và ý nghĩa học

tập tư tưởng Hồ Chí Minh; nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Đảng Công sản Việt Nam; Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; đại đoàn kết; nhân văn, đạo đức và văn hóa. Qua đó, học phần góp phần quan trọng trong việc bồi dưỡng, củng cố cho sinh viên lập trường, quan điểm cách mạng; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; tích cực, chủ động đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; đồng thời, biết vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh để giải quyết các vấn đề đặt ra trong cuộc sống.

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K1, S6, A3, A4

11.6. Pháp luật đại cương

Số tín chỉ: 3

Học phần học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Nhà Nước và pháp luật, các khái niệm, thuật ngữ pháp lý cũng như các kiến thức về cấu trúc, chức năng của bộ máy Nhà Nước Việt Nam, các quy định của ngành luật để người học có thể tham gia vào các quan hệ pháp luật một cách chủ động, hiệu quả.

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K1, S1, S6, A3, A4, A6, A7

11.7. Tiếng Anh tổng quát 1

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tham gia học phần: Toeic 300 trở lên

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Tiếng Anh tổng quát 1 (TATQ1) thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Học phần cung cấp vốn từ vựng và ngữ pháp cơ bản để xử lý các tình huống giao tiếp thông dụng hằng ngày với nội dung quen thuộc, có thể đoán trước; rèn luyện và phát triển các kỹ năng giao tiếp về các chủ đề trong môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu ở trình độ A2 (tương đương TOEIC 350)

Hình thức tổ chức dạy học: Theo mô hình Học tập kết hợp, sinh viên học trên lớp với giảng viên, đồng thời thực hành các kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ trên hệ thống phần mềm trực tuyến có hướng dẫn và giám sát của giảng viên phụ trách môn học trong và ngoài giờ học.

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K1, S6, S7, A4, A5

11.8. Tiếng Anh tổng quát 2

Số tín chỉ: 3

Học phần học trước: Tiếng Anh tổng quát 1

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Tiếng Anh tổng quát 2 (TATQ2) thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, được giảng dạy sau khi sinh viên hoàn thành học phần TATQ1. Học phần mở rộng vốn từ vựng và ngữ pháp để mô tả các tình huống không thể đoán trước, rèn luyện và phát triển các kỹ năng giao tiếp về cách diễn đạt mong muốn bản thân, thể hiện suy nghĩ về các vấn đề mang tính trừu tượng ở trình độ cuối A2 theo Khung năng lực tiếng Anh CEFR (tương đương TOEIC 400)

Hình thức tổ chức dạy học: Theo mô hình Học tập kết hợp, sinh viên học trên lớp với giảng viên, đồng thời thực hành các kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ trên hệ thống phần mềm trực tuyến có hướng dẫn và giám sát của giảng viên phụ trách môn học trong và ngoài giờ học.

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K1, S6, S7, A4, A5

11.9. Tiếng Anh tổng quát 3

Số tín chỉ: 3

Học phần học trước: Tiếng Anh tổng quát 2

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Tiếng Anh tổng quát 3 (TATQ3) thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, được giảng dạy sau khi sinh viên hoàn thành học phần TATQ2. Học phần này trang bị vốn từ vựng và cấu trúc ngữ pháp được sử dụng thường xuyên trong giao tiếp công sở; rèn luyện và phát triển các kỹ năng giao tiếp về các chủ đề thường gặp trong môi trường làm việc ở trình độ cuối A2 (tương đương TOEIC 445).

Hình thức tổ chức dạy học: Theo mô hình Học tập kết hợp, sinh viên học trên lớp với giảng viên, đồng thời thực hành các kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ trên hệ thống phần mềm trực tuyến có hướng dẫn và giám sát của giảng viên phụ trách môn học trong và ngoài giờ học.

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K1, S6, S7, A4, A5

11.10. Tiếng Anh tổng quát 4

Số tín chỉ: 3

Học phần học trước: Tiếng Anh tổng quát 3

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Tiếng Anh tổng quát 4 (TATQ4) thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, được giảng dạy sau khi sinh viên hoàn thành học phần TATQ3. Học phần này tiếp tục củng cố, mở rộng vốn từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã được học trong học phần TATQ3; rèn luyện và phát triển các kỹ năng giao tiếp về các chủ đề thường gặp trong môi trường làm việc, đặc biệt trong các lĩnh vực có liên quan đến kinh doanh ở trình độ B1 (tương đương TOEIC 500).

Hình thức tổ chức dạy học: Theo mô hình Học tập kết hợp, sinh viên học trên lớp với giảng viên, đồng thời thực hành các kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ trên hệ thống phần mềm trực tuyến có hướng dẫn và giám sát của giảng viên phụ trách môn học trong và ngoài giờ học.

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K1, S6, S7, A4, A5

11.11. Toán cao cấp

Số tín chỉ: 3

Học phần học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp kiến thức đại cương về tập hợp, quan hệ và logic suy luận, cũng như các kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích toán học thực sự cần thiết cho việc tiếp cận với các mô hình phân tích quá trình ra quyết định trong kinh tế và quản lý: Không gian vectơ; Ma trận và định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Hàm số và giới hạn; Phép tính vi phân đối với hàm số một biến; Hàm nhiều biến; Các bài toán cực trị; phép tính tích phân; Phương trình vi phân.

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K1, S6, S7, A2, A4, A5

11.12. Tin học đại cương

Số tín chỉ: 4

Học phần học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Tin học đại cương trang bị cho sinh viên các khối kiến thức như sau: (1) Hệ điều hành Windows và các tiện ích của hệ điều hành; (2) Internet, các phương pháp tìm kiếm thông tin trên internet và quản lý hộp mail với Microsoft Outlook; (3) Soạn thảo văn bản với Microsoft Word; (4) Trình chiếu với Microsoft Powerpoint và (5) Xử lý bảng tính với Microsoft Excel.

Học phần này không nhằm giới thiệu từ đầu các khối kiến thức trên mà củng cố, phát triển nâng cao kỹ năng soạn thảo văn bản, trình bày văn bản đúng kỹ thuật, trình bày báo cáo khoa học đúng chuẩn, xử lý dữ liệu với bảng tính, soạn bài thuyết trình ấn tượng, quản lý hộp mail thông qua Microsoft Outlook, tìm kiếm tài liệu trên Internet,

sử dụng các phần mềm tiện ích và bảo mật ứng dụng vào những hoạt động học tập cũng như làm việc sau này thông qua các bài tập thực hành, các tình huống cụ thể.

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K2, S1, S4, A1, A2, A4, A5

11.13. Kinh tế vi mô 1

Số tín chỉ: 3

Học phần học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, nguyên tắc lựa chọn của các cá nhân trong nền kinh tế như người tiêu dùng và người sản xuất, cũng như cách ra quyết định phối hợp các yếu tố đầu vào của nhà sản xuất trong từng cấu trúc thị trường sao cho có hiệu quả nhất. Nhờ đó, sinh viên sẽ áp dụng để phân tích các vấn đề về kinh tế thị trường khi học các học phần tiếp theo.

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K1, S1, A2, A5

11.14. Kinh tế vĩ mô 1

Số tín chỉ: 3

Học phần học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này nhằm giới thiệu những chỉ tiêu cơ bản để đo lường tổng thể nền kinh tế như tổng sản phẩm nội địa, tổng thu nhập quốc gia, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất thị trường, cán cân thanh toán, cán cân ngân sách, tỉ giá hối đoái, . . . và nghiên cứu chúng trong mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau. Từ đó, giới thiệu các chính sách mà chính phủ các quốc gia sử dụng để điều tiết nền kinh tế, như chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, chính sách ngoại thương, chính sách tỉ giá hối đoái.

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K1, S1, A2, A5

11.15. Nguyên lý kế toán

Số tín chỉ: 3

Học phần học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Nguyên lý kế toán là học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán; vận dụng các phương pháp kế toán để phân ánh quá trình hoạt động kinh doanh căn bản của một đơn vị. Các phương pháp kế toán được đề cập đến gồm: Chứng từ kế toán, kiểm kê, tính giá đối tượng kế toán, tài

khoản, ghi sổ kép và tổng hợp cân đối kế toán. Những nền tảng kiến thức cơ bản về kế toán của học phần giúp cho người học có thể tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về kế toán kiểm toán, đồng thời có thể vận dụng để hỗ trợ các lĩnh vực chuyên môn thuộc khối ngành kinh tế.

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K1, S1, A2, A5

11.16. Quản trị học

Số tín chỉ: 3

Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1

Tóm tắt nội dung học phần: Quản trị học là học phần thuộc khối kiến thức sơ sở, nhằm cung cấp kiến thức cơ bản về quản trị một tổ chức. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về quản trị trên cơ sở quan điểm quản trị hiện đại trong bối cảnh kinh toàn cầu hóa và nền kinh tế số. Do tầm quan trọng của quản trị nên kiến thức về quản trị ngày càng được chú trọng đào tạo trong các trường đại học, không chỉ cho khối ngành quản trị kinh doanh mà còn cho các chuyên ngành khác. Quản trị học là học phần mang tính nguyên lý để vận dụng cho mọi định hướng nghề nghiệp, không chỉ trong lĩnh vực kinh doanh mà cả trong lĩnh vực phi kinh doanh; không chỉ đối với hoạt động của tổ chức mà cả đối với hoạt động cá nhân riêng lẻ. Học phần hình thành nền tảng kiến thức về bốn chức năng cốt lõi của quản trị bao gồm hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát; và vận dụng các chức năng quản trị trong thực tiễn hoạt động của các tổ chức. Học phần này tạo tiền đề, cơ sở cho người học trong việc đề xuất các phương án và cách giải quyết vấn đề về quản trị của tổ chức.

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K1, S1, S6, A1, A3, A4, A5

11.17. Lý thuyết xác suất và thống kê toán

Số tín chỉ: 3

Học phần học trước: Toán cao cấp

Tóm tắt nội dung học phần: Phần lý thuyết xác suất giới thiệu tính quy luật của hiện tượng ngẫu nhiên và cách tính xác suất của biến cố ngẫu nhiên cùng các đặc trưng của biến ngẫu nhiên. Phần thống kê toán bao gồm các nội dung: Mẫu ngẫu nhiên, Ước lượng tham số của mẫu, kiểm định giả thuyết thống kê và ứng dụng trong nghiên cứu các vấn đề thực tế nói chung và các vấn đề kinh tế nói riêng.

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K1, S1, S4, A2, A4

11.18. Toán rời rạc

Số tín chỉ: 3

Học phần học trước: Toán cao cấp, Cơ sở lập trình

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Toán Rời Rạc cung cấp cho sinh viên những kiến thức tối thiểu của toán học rời rạc dùng làm cơ sở cho việc học tập chuyên sâu về hệ thống thông tin. Những vấn đề cơ bản thuộc lý thuyết tập hợp, logic toán, đại số mệnh đề, đại số quan hệ, lý thuyết thuật toán, lý thuyết đồ thị hữu hạn sẽ được đề cập đến. Học phần sẽ giúp sinh viên hình thành được lối tư duy logic, rành mạch, chính xác và có cách nhìn “rời rạc hoá những quá trình liên tục”, nhờ vậy sinh viên có thể tiếp thu dễ dàng hơn những kiến thức sâu rộng đang phát triển không ngừng trong lĩnh vực công nghệ thông tin

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K2, K3, S1, S6, A1, A2, A3, A4, A5, A7

11.19. Hệ thống thông tin quản lý

Số tín chỉ: 3

Học phần học trước: Tin học đại cương

Tóm tắt nội dung học phần: Cung cấp cho sinh viên các khái niệm về hệ thống, hệ thống thông tin và hệ thống thông tin quản lý; Các thành phần của MIS và các loại quyết định theo cấp quản lý trong các tổ chức và doanh nghiệp; Các quy trình nghiệp vụ và các phân hệ của hệ thống như: hệ thống quản lý chuỗi cung ứng (SCM), hệ thống quản lý quan hệ khách hàng (CRM), hệ thống hoạch định nguồn nhân lực (ERP),...; Cách tiếp cận khi phân tích và thiết kế hệ thống thông tin quản lý; Cách thức tổ chức dữ liệu và tầm quan trọng của dữ liệu khi ứng dụng hệ thống thông tin quản lý trong các tổ chức và doanh nghiệp.

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K2, K3, K4, K5, K6, S1, S2, S3, S4, S6, A1, A2, A3, A7

11.20. Cơ sở lập trình

Số tín chỉ: 3

Học phần học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Cơ sở lập trình cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lập trình làm nền tảng kiến thức cho các môn học lập trình kế tiếp. Giúp sinh viên làm quen với ngôn ngữ lập trình C++, Visual Studio... như: cửa sổ làm việc, công cụ khai thác, thao tác trên chương trình, sửa lỗi (debug), chạy chương trình và xử lý dữ liệu. Học phần cũng cung cấp các kiến thức nền căn bản của ngôn ngữ lập trình: khai báo biến, hằng, hàm; kiểu dữ liệu; cấu trúc điều khiển; mảng; cấu

trúc; tầm vực hoạt động của biến đến cách thức thiết kế, xây dựng một chương trình cụ thể xử lý được các bài toán thực tế.

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K2, K7, S1, S4, S5, S6, A1, A2, A3, A4, A5, A7

11.21. Cấu trúc dữ liệu và giải thuật

Số tín chỉ: 3

Học phần học trước: Cơ sở lập trình

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Cấu trúc dữ liệu và giải thuật cung cấp cho sinh viên những kiến thức về dữ liệu và giải thuật cũng như mối quan hệ giữa chúng. Phân tích và xác định được dữ liệu, giải thuật, sự kết hợp giữa chúng để giải quyết các bài toán thực tế. Áp dụng được các phương pháp sắp xếp, tìm kiếm vào các chương trình máy tính. Hiểu được tầm quan trọng của tổ chức dữ liệu và giải thuật – hai thành tố quan trọng nhất của một chương trình máy tính. Nội dung thực hành hướng trọng tâm vào cài đặt, thực hiện kiểm thử các cấu trúc dữ liệu, các thuật toán trên các cấu trúc dữ liệu đó.

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K2, K7, S1, S4, S5, S6, A1, A2, A3, A4, A5, A7

11.22. Cơ sở dữ liệu

Số tín chỉ: 3

Học phần học trước: Tin học đại cương

Tóm tắt nội dung học phần: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu và kỹ năng thực hành thành thạo ngôn ngữ truy vấn SQL trên hệ quản trị SQL Server thông qua các ngôn ngữ con gồm: ngôn ngữ định nghĩa dữ liệu (DDL), ngôn ngữ thao tác dữ liệu (DML), ngôn ngữ điều khiển dữ liệu (DCL); mô hình quan hệ và đại số quan hệ; ràng buộc toàn vẹn và lý thuyết thiết kế cơ sở dữ liệu; cách tạo cơ sở dữ liệu, sao lưu và phục hồi cơ sở dữ liệu. Thực hành thành thạo ngôn ngữ truy vấn SQL và cài đặt ràng buộc toàn vẹn dữ liệu trên nền SQL Server..

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K2, K3, S1, S2, S3, S6, A1, A2, A4, A5

11.23. Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin

Số tín chỉ: 3

Học phần học trước: Cơ sở dữ liệu

Tóm tắt nội dung học phần: Cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về hệ thống thông tin, cấu trúc và các thành phần của một hệ thống thông tin; Tầm quan trọng của hệ thống thông tin trong các tổ chức và doanh nghiệp; Các cách tiếp cận khi phân tích và thiết kế hệ thống thông tin; Thông qua các chiến lược phân tích và thiết kế, mô hình hóa dữ liệu ở mức quan niệm như mô hình thực thể kết hợp, từ đó sử dụng bộ các quy tắc chuyển đổi phát triển mô hình ở mức logic như mô hình quan hệ dữ liệu; Tối ưu hóa mô hình quan hệ bằng cách nâng cấp dạng chuẩn; Thực nghiệm cài đặt mô hình ở mức vật lý như cơ sở dữ liệu; Thiết lập các ràng buộc toàn vẹn cho cơ sở dữ liệu và phân quyền truy cập cho người sử dụng; Bên cạnh đó, vấn đề mô hình hóa xử lý như bằng mô hình phân cấp chức năng, mô hình dòng dữ liệu với nhiều cấp độ là nội dung rất quan trọng trong việc phân tích và thiết kế hệ thống thông tin; Các kiến thức về thiết kế giao diện người dùng và xây dựng kịch bản triển khai thực nghiệm cho hệ thống thông tin cũng được đề cập trong nội dung học phần.

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K2, K2, K3, K4, K5, K6, K7, S1, S2, S3, S4, S6, A1, A2, A3, A4, A5, A7

11.24. An toàn thông tin

Số tín chỉ: 3

Học phần học trước: Hệ quản trị cơ sở dữ liệu

Tóm tắt nội dung học phần: Cung cấp những kiến thức và kỹ năng cần thiết về an toàn và bảo mật các hệ thống thông tin trong thực tiễn theo nhiều cấp độ: Hệ điều hành trên máy tính cá nhân; Mạng nội bộ Intranet; Mạng Internet; Wifi; cơ sở dữ liệu và phần mềm ứng dụng; Chữ ký số trên các chứng từ giao dịch điện tử

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K2, K3, K4, K5, K6, K7, S1, S2, S3, S4, S5, S6, A1, A2, A3, A4, A5, A7

11.25. Điện toán đám mây

Số tín chỉ: 3

Học phần học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Cung cấp kiến thức cơ bản về điện toán phân bố, điện toán đám mây, các mô hình dịch vụ, mô hình triển khai và các vấn đề ứng dụng điện toán đám mây.

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K2, K5, K6, S1, S3, S4, S6, A1, A2, A3, A4

11.26. Kế toán máy

Số tín chỉ: 3

Học phần học trước: Nguyên lý kế toán

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kế toán máy trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng thực hành trên Excel, lập trình VBA trong Excel ứng dụng vào công tác kế toán; Thực hành trên các phần mềm kế toán chuyên nghiệp gồm: MISA SME.NET và Care Accounting.

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K2, K4, S1, S5, S6, A1, A2, A3, A4, A5, A7

11.27. Lập trình kế toán

Số tín chỉ: 4

Học phần học trước: Nguyên lý kế toán

Tóm tắt nội dung học phần: Cung cấp kiến thức và kỹ năng lập trình phát triển một số phân hệ cơ bản trong lĩnh vực kế toán dạng WinForms có cơ sở dữ liệu trên MS. SQL Server, dùng ngôn ngữ lập trình C#.NET trên bộ công cụ MS. Visual Studio .NET với hệ thống thư viện .NET Framework.

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo K2, K3, K4, K6, K7, S1, S2, S3, S4, S5, S6, A1, A2, A3, A4, A5, A7

11.28. Lập trình Web

Số tín chỉ: 3

Học phần học trước: Cấu trúc dữ liệu & giải thuật

Tóm tắt nội dung học phần: Cung cấp những kiến thức và kỹ năng cần thiết về lập trình phát triển các hệ thống website trong thực tiễn chủ yếu dùng công nghệ ASP.NET với cơ sở dữ liệu MS.SQL Server.

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo K2, K3, K4, K5, K6, K7, S1, S2, S3, S4, S5, S6, A1, A2, A3, A4, A5, A7

11.29. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu

Số tín chỉ: 3

Học phần học trước: Cơ sở dữ liệu

Tóm tắt nội dung học phần: Tóm tắt nội dung học phần: Cung cấp cho sinh viên các khái niệm về hệ quản trị cơ sở dữ liệu (HQTCSDL), vai trò, chức năng và thành phần của HQTCSDL. Học phần sử dụng HQTCSDL SQL Server để quản trị một hệ cơ sở dữ liệu bao gồm thiết kế, phát triển, quản trị, sử dụng và tạo mới các đối tượng do HQTCSDL hỗ trợ, quản lý giao tác, quản lý tài khoản người dùng, phân quyền, sao lưu và phục hồi hệ thống. Học phần này còn trang bị cho sinh viên ngôn ngữ lập trình SQL để cài đặt các khung nhìn, thủ tục, hàm, bắt lỗi, định nghĩa các hàm mới trong xử lý dữ liệu.

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K2, K3, K4, K5, K6, S3, S4, S5, S6, A1, A2, A3, A4, A7

11.30. Kế toán tài chính 1

Số tín chỉ: 3

Học phần học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Để tổ chức quản lý tài chính có hiệu quả, đòi hỏi phải có người trực tiếp theo dõi, ghi chép, phản ánh toàn bộ các sự kiện, biến cố ảnh hưởng đến tình hình tài chính kinh tế của doanh nghiệp, từ đó tổng hợp số liệu lập báo cáo cung cấp thông tin kinh tế - tài chính, đồng thời tham mưu đề xuất cho nhà quản trị đưa ra quyết định phù hợp, đó chính là kế toán. Qua học phần này, người học sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản, nền tảng về công tác kế toán tại các doanh nghiệp sản xuất, thương mại, tìm hiểu cụ thể việc tổ chức công tác kế toán, trình tự xử lý kế toán từ thủ tục, chứng từ, trình tự luân chuyển của chứng từ đến ghi sổ tổng hợp, sổ chi tiết và trình bày thông tin lên báo cáo tài chính.

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K2, S1, S4, S6, A1, A3, A4, A5

11.31. Kế toán tài chính 2

Số tín chỉ: 3

Học phần học trước: Kế toán tài chính 1

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về nguyên tắc, phương pháp kế toán tại các doanh nghiệp có phát sinh hoạt động giao dịch ngoại tệ, thanh toán nội bộ, tài sản thuê, đầu tư tài chính, nợ vay và dự phòng phải trả, vốn chủ sở hữu trong công ty cổ phần. Qua đó giúp sinh viên có thể hiểu và vận dụng được chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và trình bày thông tin trên báo cáo tài chính trong các phần hành kế toán có liên quan. Rèn luyện cho sinh viên ý thức tuân thủ pháp luật và có đạo đức nghề nghiệp kế toán.

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K2, S1, S4, S6, A1, A3, A4, A5

11.32. Kế toán tài chính 3

Số tín chỉ: 3

Học phần học trước: Kế toán tài chính 2

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề về hệ thống báo cáo tài chính và phương pháp lập các báo cáo tài chính cụ thể, gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Ngoài ra học phần còn trình bày các nội dung về thông tin về các bên liên quan, các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm, điều chỉnh sai sót của năm trước, thay đổi chính sách kế toán và ước tính kế toán.

Qua học phần này sinh viên có thể hiểu và thực hiện quy trình lập báo cáo tài chính; Giải thích được từng khoản mục trên hệ thống báo cáo có ảnh hưởng thế nào trong quá trình lập báo cáo. Qua đó tạo cho SV kỹ năng có khả năng tự tìm hiểu để tổ chức công tác chứng từ, ghi sổ kế toán làm cơ sở để lập báo cáo thuế, báo cáo tài chính. Từ đó có khả năng nghiên cứu các lãnh vực phân tích tài chính doanh nghiệp.

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K2, S1, S4, S6, A1, A3, A4, A5

11.33. Hệ thống thông tin kế toán

Số tín chỉ: 3

Học phần học trước: Nguyên lý kế toán

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Hệ thống thông tin kế toán trang bị cho sinh viên các kiến thức nền tảng liên quan về hệ thống, hệ thống thông tin, hệ thống thông tin kế toán doanh nghiệp, tổ chức và kiểm soát các hệ thống này trong điều kiện và ngữ cảnh của công nghệ thông tin. Thông qua các chương của học phần, sinh viên được trang bị những kiến thức chung về hệ thống thông tin kế toán, lập tài liệu hệ thống, ứng dụng phần mềm kế toán Fast accounting online trong các chu trình kế toán

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K2, K3, K4, K5, K6, S1, S2, S3, S4, S6, A1, A2, A3, A4, A5, A7

11.34. Thực hành nghề nghiệp

Số tín chỉ: 2

Học phần học trước: Các học phần cơ sở ngành

Tóm tắt nội dung học phần: Thực hành nghề nghiệp là yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo đối với sinh viên Khoa Công nghệ thông tin nhằm củng cố những kiến thức chuyên ngành đã được trang bị, vận dụng các kiến thức đó vào thực tế. Rèn luyện và tăng cường kỹ năng thực hành của sinh viên thông qua việc thực hiện các công việc thực tiễn.

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K2, K3, K4, K7, S1, S2, S3, S5, S6, A2, A4, A5, A6

11.35. Phân tích và thiết kế hướng đối tượng (Học phần tự chọn)

Số tín chỉ: 3

Học phần học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Cung cấp cho sinh viên các khái niệm và các tính chất của mô hình hướng đối tượng; Các thành phần của mô hình hướng đối tượng như: đối tượng, lớp đối tượng, thuộc tính, phương thức và quan hệ giữa các lớp đối tượng; Phương pháp phân tích và thiết kế bài toán theo hướng đối tượng theo ngôn ngữ UML; Phương pháp thiết kế và đặc tả sơ đồ lớp, sơ đồ cộng tác, sơ đồ tuần tự,... thông qua các khung nhìn khác nhau của hệ thống; Thực hành trên phần mềm chuyên dụng.

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K2, K3, K4, K5, K6, K7, S1, S2, S3, S4, S5, S6, A1, A2, A3, A4, A5, A7

11.36. Quản trị dự án công nghệ thông tin (Học phần tự chọn)

Số tín chỉ: 3

Học phần học trước: Hệ thống thông tin quản lý

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Quản trị dự án Công nghệ thông tin cung cấp cho sinh viên các khái niệm về dự án, quản trị dự án và dự án phần mềm, các yếu tố liên quan đến dự án và các giai đoạn triển khai một dự án phần mềm; công việc khảo

sát hiện trạng và yêu cầu của doanh nghiệp; đánh giá hiện trạng hệ thống dựa trên hiện trạng, yêu cầu chức năng và phi chức năng; bộ cục xây dựng đề cương và các phương án triển khai dự án phần mềm; cách tổ chức và triển khai dự án thông qua nghiên cứu khả thi, phân loại dự án và đề xuất các phương án phù hợp; cách lập kế hoạch và lập tiến độ dự án thông qua sơ đồ Pert, sơ đồ Grantt; điều chỉnh nhân sự và tiến độ dự án; các rủi ro và đề ra những biện pháp quản lý phù hợp đồng thời đánh giá và ước lượng chi phí dự án phần mềm.

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K2, K3, K6, S1, S5, S6, A1, A2, A3, A4, A5, A7

11.37. Kiểm thử phần mềm (Học phần tự chọn)

Số tín chỉ: 3

Học phần học trước: Lập trình Web

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kiểm thử phần mềm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về kiểm thử phần mềm, các quy trình kiểm thử, các trường hợp kiểm thử, cách sử dụng các công cụ kiểm thử kết hợp với quy trình để tiến hành kiểm thử các chức năng của phần mềm; Lập kế hoạch kiểm thử và tài liệu kiểm thử; Tổ chức và quản lý hoạt động kiểm thử phần mềm.

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K2, K3, K4, K6, K7, S1, S2, S4, S5, S6, A1, A2, A3, A4, A5, A7

11.38. Phát triển hệ thống thông tin trên các framework (Học phần tự chọn)

Số tín chỉ: 3

Học phần học trước: Lập trình Web

Tóm tắt nội dung học phần: Cung cấp kiến thức nền tảng liên quan đến việc phát triển một hệ thống thông tin cho tổ chức. Thông qua các chương của học phần, sinh viên được trang bị những kiến thức chung về phát triển hệ thống thông tin, phương pháp và các công cụ phát triển thông dụng khi phát triển các ứng dụng trên các nền tảng công nghệ .NET, Java, Mobile App với các Web App Framework, Mobile App Framework và các hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server, Oracle, MySQL.

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K2, K3, K4, S1, S2, S3, S4, S5, S6, A1, A2, A3, A4, A5, A7

11.39. Hệ hỗ trợ ra quyết định (Học phần tự chọn)

Số tín chỉ: 3

Học phần học trước: Lập trình Web

Tóm tắt nội dung học phần: Cung cấp cho sinh viên các khái niệm về hệ hỗ trợ ra quyết định, cấu trúc hệ hỗ trợ quyết định, các mô hình và công cụ phần mềm hỗ trợ ra quyết định; cách thức phát triển ứng dụng hệ hỗ trợ quyết định giải quyết các bài toán trong thực tế.

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K2, K3, K4, K6, S1, S3, S4, S5, S6, A1, A2, A3, A4, A5

11.40. Quản trị Web (Học phần tự chọn)**Số tín chỉ:** 3**Học phần học trước:** Lập trình Web

Tóm tắt nội dung học phần: Cung cấp những kiến thức và kỹ năng cần thiết về quản trị các hệ thống website trong thực tiễn với nhiều dạng công nghệ và cấp triển khai: (1) Websites triển khai trong mạng nội bộ Intranet (hoặc mạng ngoại bộ Extranet); có hoặc không có cơ sở dữ liệu: Công nghệ ASP.NET dùng CSDL MS.SQL Server, Công nghệ PHP dùng MySQL, Giới thiệu một số trường hợp công nghệ khác; (2) Websites triển khai trên Internet: có hoặc không có cơ sở dữ liệu: Công nghệ ASP.NET dùng CSDL MS.SQL Server, Công nghệ PHP dùng MySQL, Giới thiệu một số trường hợp công nghệ khác.

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K2, K3, K4, K5, K6, S1, S2, S3, S4, S5, S6, A1, A2, A3, A4, A5, A7

11.41. Thương mại điện tử (Học phần tự chọn)**Số tín chỉ:** 2**Học phần học trước:** Các học phần kiến thức cơ sở ngành

Tóm tắt nội dung học phần: Cung cấp kiến thức cơ bản về thương mại điện tử; tầm quan trọng của thương mại điện tử trong kỷ nguyên số; các mô hình doanh thu; một số hình thức thanh toán và cách thức thanh toán trong thương mại điện tử; phân luồng dữ liệu ở các cổng thông tin; các phương thức tấn công thâm nhập hệ thống mạng; các phương pháp bảo vệ, chữ ký số, chứng thực số.

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K1, K2, K3, K4, K5, K6, S1, S2, S3, S4, S5, S6, A1, A2, A3, A4, A5

11.42. Kế toán chi phí (Học phần bổ trợ)**Số tín chỉ:** 3**Học phần học trước:** Kế toán tài chính 1**Tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản có liên quan đến việc ghi chép, tổng hợp, phân tích các khoản mục chi phí nhằm cung cấp thông tin phục vụ cho chức năng kiểm soát và đánh giá chi phí kinh doanh. Bên cạnh đó, học phần trang bị cho sinh viên các phương pháp tính giá thành sản phẩm theo từng đặc điểm qui trình công nghệ, từng mô hình kế toán như: mô hình kế toán chi phí theo thực tế, mô hình kế toán chi phí thực tế kết hợp với chi phí ước tính, mô hình kế toán chi phí định mức trong quá trình sản xuất giúp cho doanh nghiệp ngày càng hoàn thiện hơn hệ thống kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K2, S4, S5, S6, A2, A3, A5, A7

11.43. Kế toán quản trị 1 (Học phần bổ trợ)**Số tín chỉ:** 3

Học phần học trước: Kế toán tài chính

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học trình bày kiến thức tổng quan về kế toán quản trị, giúp nhà quản trị ra quyết định tốt phục vụ cho quản lý như phân loại chi phí; phân tích chi phí - khối lượng - lợi nhuận; lập dự toán hoạt động và ngân sách hàng năm; đánh giá trách nhiệm của các trung tâm trách nhiệm.

Môn học đặt trọng tâm vào các kỹ thuật lập các báo cáo kế toán quản trị nhằm phục vụ cho việc đưa ra các quyết định kinh doanh. Sinh viên sẽ được làm quen với ngôn ngữ kinh doanh và vai trò của nhà quản lý. Một môi trường học theo nhóm được khuyến khích trong quá trình nghiên cứu môn học

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K2, S4, S5, S6, A2, A3, A5, A7

11.44. Kế toán thuế (Học phần bổ trợ)

Số tín chỉ: 3

Học phần học trước: Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính 3

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên các quy định kế toán theo yêu cầu của các văn bản pháp quy hướng dẫn về thuế và của chế độ kế toán. Qua môn học này, sinh viên có thể hạch toán các nghiệp vụ có liên quan đến thuế lên các sổ sách kế toán có liên quan cũng như có thể phản ánh thuế lên báo cáo tài chính và báo cáo thuế có liên quan.

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K2, S4, S5, S6, A2, A3, A5, A7

11.45. Kế toán hành chính sự nghiệp (Học phần bổ trợ)

Số tín chỉ: 3

Học phần học trước: Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính 1

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần trang bị cho người học kiến thức về công tác kế toán tại các đơn vị hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức chính trị, xã hội có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước và không sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; giúp người học so sánh được công việc kế toán tại đơn vị hành chính sự nghiệp và kế toán tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, từ đó vận dụng tốt công việc kế toán trong mọi lĩnh vực kinh tế, đời sống xã hội.

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K2; S4, S5, S6; A2, A3, A5, A7

11.46. Kiểm toán căn bản (Học phần bổ trợ)

Số tín chỉ: 3

Học phần học trước: Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính 1

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về kiểm toán: giúp sinh viên nắm được các khái niệm, lịch sử kiểm toán, phân loại kiểm toán, kiểm toán viên, công ty kiểm toán, tổ chức nghề nghiệp kiểm toán, chuẩn mực kiểm toán, đạo đức nghề nghiệp kiểm toán; giúp sinh viên khái niệm kiểm soát nội bộ, các bộ phận cấu thành hệ thống kiểm soát nội bộ, hạn chế tiềm tàng của kiểm soát nội bộ, và trình tự xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của kiểm toán viên; và quy trình kiểm toán báo cáo tài chính của kiểm toán viên độc lập.

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K2; S4, S5, S6; A2, A3, A5, A7

11.47. Tài chính doanh nghiệp 1 (Học phần bổ trợ)

Số tín chỉ: 3

Học phần học trước: Nguyên lý kế toán

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về tài chính của doanh nghiệp với các nội dung chủ yếu là: Tổng quan về Tài chính doanh nghiệp và quản trị TCDN, Xác định nhu cầu vốn, tổ chức nguồn vốn và các hình thức huy động vốn của doanh nghiệp; Quản lý và sử dụng vốn; Chi phí; Doanh thu và lợi nhuận; Quyết định đầu tư dài hạn.

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K2; S4, S5, S6; A2, A3, A5, A7

11.48. Phân tích tài chính doanh nghiệp (Học phần bổ trợ)

Số tín chỉ: 3

Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp, kế toán tài chính

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức để có thể lập và phân tích các báo cáo Tài chính như: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Ngoài ra, môn học còn trang bị cho Sinh viên những kiến thức liên quan đến việc phân tích các hoạt động đầu tư; Phân tích các hoạt động Tài trợ và chính sách phân phối; Phân tích khả năng sinh lời; Phân tích tình hình tín dụng; Phân tích và định giá vốn cổ phần; Phân tích thị trường Tài chính..

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K2; S4, S5, S6; A2, A3, A5, A5

11.49. Khóa luận tốt nghiệp

Số tín chỉ: 6

Học phần học trước: Các học phần chuyên ngành

Tóm tắt nội dung học phần: Khóa luận tốt nghiệp là yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Hệ thống thông tin kế toán. Sau khi kết thúc học phần này, sinh viên có kỹ năng và kiến thức để phân tích, thiết kế, xây dựng một hệ thống thông tin kế toán cho doanh nghiệp vừa và nhỏ thông qua sản phẩm là phần mềm quản lý hệ thống thông tin kế toán tại doanh nghiệp. Sinh viên thực tập nghiên cứu và trình bày kết quả bằng một báo cáo khóa luận tốt nghiệp và chương trình minh họa.

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7, S1, S2, S3, S5, S6, S7, A1, A2, A4, A5, A6

11.50. Thực tập cuối khóa (HP thay thế KLTN)

Số tín chỉ: 3

Học phần học trước: Các học phần kiến thức cơ sở ngành

Tóm tắt nội dung học phần: Thực tập cuối khóa là yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo đối với sinh viên chuyên ngành Hệ thống thông tin kế toán. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được quy trình nghiệp vụ kế toán của đơn vị thực tập; tổng hợp được kiến thức và kỹ năng để phân tích, thiết kế một hệ thống thông tin kế toán cụ thể phục vụ cho hoạt động của đơn vị. Sinh viên thực tập nghiên cứu và trình bày kết quả bằng một báo cáo thực tập cuối khóa và sản phẩm minh họa.

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K2, K3, K4, K5, K7, S1, S2, S3, S5, S6, A1, A2, A3, A4, A5

11.51. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu nâng cao (HP thay thế KLTN)

Số tín chỉ: 3

Học phần học trước: Hệ quản trị cơ sở dữ liệu

Tóm tắt nội dung học phần: Cung cấp các kiến thức và cách thức sử dụng bảng tạm và thiết lập lịch sao lưu dữ liệu tự động trong SQL Server; Tối ưu hóa câu lệnh truy vấn; Các cơ chế mã hóa dữ liệu trong SQL Server; Đồng bộ hóa cơ sở dữ liệu trong môi trường đa người dùng; Xây dựng báo cáo với công cụ Reporting Service.

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: K2, K4, K5, K6, S3, S4, S5, S6, A1, A2, A3, A4, A5, A7

12. MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH

Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và các học phần - Chuyên ngành Hệ thống thông tin kế toán

TT	TÊN HP	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO																			
		Kiến thức							Kỹ năng							Mức tự chủ và trách nhiệm					
		K1	K2	K3	K4	K5	K6	K7	S1	S2	S3	S4	S5	S6	S7	A1	A2	A3	A4	A5	A6
1.	Triết học Mác – Lênin	x											x				x	x		x	
2.	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	x											x				x	x		x	
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x											x				x	x		x	
4.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x											x				x	x		x	
5.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x											x				x	x		x	
6.	Pháp luật đại cương	x						x					x				x	x		x	x
7.	Tiếng Anh tổng quát 1	x											x	x				x	x		x
8.	Tiếng Anh tổng quát 2	x											x	x				x	x		x
9.	Tiếng Anh tổng quát 3	x											x	x				x	x		x
10.	Tiếng Anh tổng quát 4	x											x	x				x	x		x
11.	Toán cao cấp	x						x										x	x		
12.	Tin học đại cương		x					x			x					x	x	x	x	x	
13.	Giáo dục thể chất												x						x	x	x
14.	Giáo dục quốc phòng												x						x	x	x
15.	Kinh tế vi mô 1	x						x									x		x		
16.	Kinh tế vĩ mô 1	x						x									x		x		
17.	Nguyên lý kế toán	x						x									x		x		
18.	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	x						x			x						x		x		
19.	Quản trị học	x						x					x		x		x	x	x		

TT	TÊN HP	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO																				
20.	Toán rời rạc		X	X					X					X		X	X	X	X	X		X
21.	Hệ thống thông tin quản lý		X	X	X	X	X		X	X		X	X	X		X	X	X				X
22.	Cơ sở lập trình		X					X	X			X	X	X		X	X	X	X	X		X
23.	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật		X					X	X			X	X	X		X	X	X	X	X		X
24.	Cơ sở dữ liệu		X	X					X	X	X			X		X	X		X	X		
25.	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X			X
26.	An toàn thông tin		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X			X
27.	Điện toán đám mây		X			X	X		X		X	X		X		X	X	X	X			X
28.	Kế toán máy		X		X				X				X	X		X	X	X		X		X
29.	Lập trình kế toán		X	X	X		X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X			X
30.	Lập trình Web		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X			X
31.	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu		X	X	X	X	X				X	X	X	X		X	X	X	X			X
32.	Kế toán tài chính 1		X						X			X		X		X		X	X	X		
33.	Kế toán tài chính 2		X						X			X		X		X		X	X	X		
34.	Kế toán tài chính 3		X						X			X		X		X		X	X	X		
35.	Hệ thống thông tin kế toán		X	X	X	X	X		X	X	X	X		X		X	X	X	X	X		X
36.	Thực hành nghề nghiệp		X	X	X			X	X	X	X		X	X			X		X		X	
37.	Phân tích và thiết kế hướng đối tượng		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X			X
38.	Quản trị dự án công nghệ thông tin		X	X			X		X				X	X		X	X	X	X	X		X
39.	Kiểm thử phần mềm		X	X	X		X	X	X	X		X	X	X		X	X	X	X	X		X
40.	Phát triển hệ thống thông tin		X	X	X				X	X	X	X	X		X	X	X	X	X			X
41.	Hệ hỗ trợ ra quyết định		X	X	X		X		X		X	X	X		X	X	X	X	X			
42.	Quản trị Web		X	X	X	X	X		X	X	X	X	X		X	X	X	X	X			X

TT	TÊN HP	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO																				
43.	Thương mại điện tử	x	x	x	x	x	x		x	x	x		x	x		x	x	x	x	x		
44.	Kế toán chi phí		x									x		x			x	x		x		x
45.	Kế toán quản trị 1		x									x		x			x	x		x		x
46.	Phân tích tài chính		x									x		x			x	x		x		x
47.	Kế toán thuế		x									x		x			x	x		x		x
48.	Kế toán hành chính sự nghiệp		x									x		x			x	x		x		x
49.	Tài chính doanh nghiệp 1		x									x		x			x	x		x		x
50.	Kiểm toán căn bản		x									x		x			x	x		x		x
51.	Khóa luận tốt nghiệp	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	
Hoặc																						
52.	Thực tập cuối khóa		x	x	x	x		x	x	x	x		x	x		x	x	x	x	x		
53.	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu nâng cao (HP thay thế KLTN)		x		x	x	x					x	x	x	x		x	x	x	x		x

13. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN PHỤC VỤ GIẢNG DẠY CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (xem phụ lục 1)

14. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO (xem Phụ lục 2)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG

PHỤ LỤC 1**ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN PHỤC VỤ GIẢNG DẠY CÁC HỌC PHẦN TRONG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Danh sách giảng viên giảng dạy các học phần kiến thức giáo dục đại cương và học phần bổ trợ

TT	HỌ VÀ TÊN, NĂM SINH	HỌC VỊ, NĂM CÔNG NHẬN	NGÀNH/ CHUYÊN NGÀNH	MÔN HỌC GIẢNG DẠY	GHI CHÚ
1.	Phạm Lê Quang, 1960	Tiến sĩ, 2010	Triết học	Triết học Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	
2.	Lại Văn Nam, 1973	Tiến sĩ, 2020	Triết học	Triết, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị	
3.	Nguyễn Minh Hiền, 1972	Thạc sĩ, 2004	Triết học	Triết học Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị Mác - Lênin,	
4.	Đặng Chung Kiên, 1979	Thạc sĩ, 2006	Triết học	Triết học Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị Mác - Lênin	
5.	Lê Văn Dũng, 1981	Thạc sĩ, 2011	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	
6.	Bùi Minh Nghĩa, 1982	Thạc sĩ, 2014	Triết học	Triết học Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị Mác - Lênin	
7.	Nguyễn Tấn Hưng, 1976	Tiến sĩ	Triết học	Triết học Mác -	

				Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị Mác – Lênin	
8.	Mạch Ngọc Thủy, 1977	Thạc sĩ, 2004	Triết học	Triết học Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị Mác – Lênin	
9.	Ngô Quang Thịnh, 1981	Thạc sĩ, 2009	Kinh tế Chính trị	Triết học Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị Mác – Lênin	
10.	Đặng Hữu Sửu, 1962	Thạc sĩ, 2003	Triết học	Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	
11.	Đỗ Thị Thanh Huyền, 1985	Thạc sĩ, 2010	Triết học	Triết học Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.	
12.	Hoàng Thị Mỹ Nhân, 1986	Thạc sĩ, 2013	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	
13.	Vũ Văn Quế, 1972	Thạc sĩ, 2011	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	
14.	Lê Ngọc Dũng, 1978	Thạc sĩ		Triết học Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.	
15.	Phạm Thế Vinh, 1962	Thạc sĩ		Triết học Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí	

				Minh.	
16.	Nguyễn Công Duy, 1984	Thạc sĩ		Triết học Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.	
17.	Trần Hạ Long, 1978	Thạc sĩ		Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	
18.	Lê Thị Hoài Nghĩa, 1985	Thạc sĩ, 2013	Triết học	Triết học Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.	
19.	Nguyễn Huy Hoàng, 1964	Tiến sĩ, 2010	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng...	
20.	Nguyễn Văn Phong, 1980	Thạc sĩ, 2006	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
21.	Trần Kim Thanh, 1957	Tiến sĩ, 2000	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
22.	Nguyễn Tuấn Duy, 1984	Tiến sĩ, 2018	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng	

				...	
23.	Ngô Thái Hưng, 1983	Tiến sĩ, 2010	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng...	
24.	Võ Thị Bích Khuê, 1982	Tiến sĩ, 2018	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng,...	
25.	Nguyễn Đức Bằng, 1981	Thạc sĩ, 2006	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
26.	Nguyễn Trung Đông, 1980	Thạc sĩ, 2008	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
27.	Phạm Thị Thu Hiền, 1979	Thạc sĩ, 2007	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng,...	
28.	Dương Thị Phương Liên, 1975	Thạc sĩ, 2002	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
29.	Trần Mạnh Tường, 1974	Thạc sĩ, 2010	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
30.	Lê Trường Giang, 1989	Thạc sĩ, 2013	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất	

				Thống kê Toán, Kinh tế lượng,...	
31.	Vũ Anh Linh Duy, 1979	Thạc sĩ, 2010	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
32.	Nguyễn Quyết, 1978	Tiến sĩ, 2018	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
33.	Nguyễn Bá Thanh, 1976	Thạc sĩ, 2005	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
34.	Phạm Việt Huy, 1979	Thạc sĩ, 2005	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
35.	Phan Trí Kiên, 1981	Thạc sĩ, 2012	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
36.	Lê Thị Ngọc Hạnh, 1986	Thạc sĩ, 2013	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
37.	Nguyễn Thị Hồng Vân, 1985	Thạc sĩ, 2014	Cử Nhân Toán, Ths.	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất	

			QTKD	Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
38.	Lê Thị Bích Thảo, 1989	Thạc sĩ, 2015	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	
39.	Nguyễn Tú	Tiến sĩ, 2016	Luật	Pháp Luật Đại Cương, Luật Kinh tế,....	
40.	Tô Thị Đông Hà, 1974	Thạc sĩ, 2003	Luật	Pháp Luật Đại Cương, Luật Kinh tế,....	
41.	Phạm Thị Nguyệt Sương, 1981	Thạc sĩ, 2008	Luật	Pháp Luật Đại Cương, Luật Kinh tế,....	
42.	Nguyễn Thị Thái Thuận, 1978	Thạc sĩ, 2006	Luật	Pháp Luật Đại Cương, Luật Kinh tế,....	
43.	Thái Thị Tường Vi, 1981	Thạc sĩ, 2011	Luật	Pháp Luật Đại Cương, Luật Kinh tế,....	
44.	Hồ Thị Thanh Trúc, 1989	Thạc sĩ, 1989	Luật	Pháp Luật Đại Cương, Luật Kinh tế,....	
45.	Ngô Thị Duyên, 1988	Thạc sĩ, 2015	Luật	Pháp Luật Đại Cương, Luật Kinh tế,....	
46.	Đoàn Ngọc Phúc, 1975	Tiến sĩ, 2017	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	
47.	Nguyễn Văn Tuyên	Tiến sĩ, 2014	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	
48.	Phan Ngọc Yên Xuân, 1989	Thạc sĩ, 2015	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	
49.	Hoàng Thị Xuân, 1987	Thạc sĩ, 2014	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	
50.	Nguyễn Thị Hảo, 1983	Thạc sĩ, 2010	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	
51.	Nguyễn Thị Quý, 1983	Thạc sĩ, 2012	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	
52.	Ngô Thị Hồng Giang, 1983	Thạc sĩ, 2010	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	
53.	Lại Thị Tuyết Lan, 1980	Thạc sĩ, 2009	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	
54.	Phạm Thị Vân Anh, 1977	Thạc sĩ, 2012	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	

55.	Nguyễn Thái Hà, 1986	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
56.	Nguyễn Nam Phong, 1985	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
57.	Nguyễn Anh Tuấn, 1975	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
58.	Ngô Thị Thu, 1962	Tiến sĩ	Kinh tế	Nguyên lý Marketing	
59.	Ngô Vũ Quỳnh Thi, 1976	Thạc sĩ	Kinh doanh và QL	Nguyên lý Marketing	
60.	Nguyễn Ngọc Bích Trâm, 1988	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
61.	Trần Nhật Minh, 1975	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
62.	Ninh Đức Cúc Nhật, 1987	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
63.	Nguyễn Thị Minh Ngọc, 1988	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
64.	Ngô Minh Trang, 1974	Thạc sĩ	Quản trị chuyên nghiệp	Nguyên lý Marketing	
65.	Nguyễn Đông Triều, 1983	Thạc sĩ	Kinh doanh và quản lý	Nguyên lý Marketing	
66.	Trịnh Thị Hồng Minh, 1988	Thạc sĩ	Kinh doanh thương mại	Nguyên lý Marketing	
67.	Huỳnh Trị An, 1983	Thạc sĩ	Marketing	Nguyên lý Marketing	
68.	Nguyễn Ngọc Hạnh, 1979	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
69.	Nguyễn Thị Thoa, 1986	Thạc sĩ	Kinh tế	Nguyên lý Marketing	
70.	Nguyễn Thị Thúy, 1989	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
71.	Lâm Ngọc Thùy, 1985	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
72.	Đặng Huỳnh Phương, 1989	Thạc sĩ	Marketing	Nguyên lý Marketing	
73.	Trần Hằng Diệu, 1989	Thạc sĩ	Kế toán	Nguyên lý kế toán	
74.	Nguyễn Thị Nga Dung, 1986	Thạc sĩ	Kế toán	Nguyên lý kế toán	
75.	Thái Trần Văn Hạnh, 1977	Thạc sĩ	Kế toán	Nguyên lý kế toán	
76.	Nguyễn Minh Hằng, 1988	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý kế toán	
77.	Lê Quang Mẫn	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý kế toán	
78.	Vương Thị Thanh Nhân,	Thạc sĩ	Kế toán	Nguyên lý kế toán	

	1985				
79.	Phạm Thị Kim Thanh, 1984	Thạc sĩ	Kinh tế	Nguyên lý kế toán	
80.	Nguyễn Hà Minh Thi, 1985	Thạc sĩ	Kinh tế	Nguyên lý kế toán	
81.	Ngô Thị Mỹ Thúy, 1973	Thạc sĩ	Kinh tế	Nguyên lý kế toán	
82.	Chu Thị Thương, 1984	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý kế toán	
83.	Lê Văn Tuấn, 1977	Thạc sĩ	Kinh tế	Nguyên lý kế toán	
84.	Dương Hoàng Ngọc Khuê, 1980	Tiến sĩ	Kinh tế	Nguyên lý kế toán	
85.	Ngô Nhật Phương Diễm, 1978	Thạc sĩ	Kinh tế	Nguyên lý kế toán	
86.	Nguyễn Thị Kiều Oanh, 1991	Thạc sĩ	Kế toán	Nguyên lý kế toán	
87.	Nguyễn Thị Ngọc Oanh, 1991	Thạc sĩ	Kế toán	Nguyên lý kế toán	
88.	Ung Hiền Nhã Thi, 1988	Thạc sĩ	Tài chính – Ngân hàng	Nguyên lý kế toán	
89.	Trần Văn Trung, 1977	Thạc sĩ	Tài chính – Ngân hàng	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1	
90.	Vũ Thanh Tùng, 1984	Thạc sĩ	Kinh tế	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1	
91.	Chu Thị Thanh Trang, 1986	Thạc sĩ	Tài chính – Ngân hàng	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1	
92.	Nguyễn Xuân Dũng, 1990	Thạc sĩ	Tài chính – Ngân hàng	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1	
93.	Lê Thị Ngọc Phượng, 1984	Thạc sĩ		Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1	
94.	Trần Thị Thanh Nga, 1987	Tiến sĩ	Tài chính – Ngân hàng	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1	
95.	Nguyễn Thị Bảo Ngọc, 1988	Thạc sĩ	Kinh tế	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1	
96.	Trương Xuân Hương, 1985	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Tin học đại cương	
97.	Nguyễn Thị Trần Lộc, 1984	Thạc sĩ	Kỹ thuật	Tin học đại cương	
98.	Tôn Thất Hòa An, 1962	Tiến sĩ	Kỹ sư	Tin học đại cương	
99.	Lâm Hoàng Trúc Mai, 1987	Thạc sĩ	Kỹ thuật	Tin học đại cương	
100.	Phạm Thủy Tú, 1985	Tiến sĩ	Hệ thống thông tin	Tin học đại cương	
101.	Trương Đình Hải Thụy,	Thạc sĩ	Quản trị	Tin học đại cương	

	1974		kinh doanh		
102.	Nguyễn Thanh Trường, 1971	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	Tin học đại cương	
103.	Trần Thanh San, 1970	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Tin học đại cương	
104.	Trần Trọng Hiếu, 1966	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Tin học đại cương	
105.	Trần Anh Sơn, 1971	Thạc sĩ	Tài chính Bảo hiểm	Tin học đại cương	
106.	Võ Xuân Thế, 1970	Thạc sĩ	Tin học	Tin học đại cương	
107.	Nguyễn Huy Khang, 1974	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	Tin học đại cương	
108.	Nguyễn Quốc Thanh, 1978	Thạc sĩ	Truyền dữ liệu và mạng máy tính	Tin học đại cương	
109.	Huỳnh Ngọc Thành Trung, 1976	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Tin học đại cương	
110.	Nguyễn Thanh Bình, 1983	Thạc sĩ	Đảm bảo toán học cho máy tính và hệ thống tính toán	Tin học đại cương	
111.	Lê Thị Kim Thoa, 1979	Thạc sĩ	Kế toán	Tin học đại cương	
112.	Đinh Nguyễn Thúy Nguyệt, 1988	Thạc sĩ	Kỹ thuật	Tin học đại cương	
113.	Nguyễn Thị Tuyết Anh, 1980	Thạc sĩ NCS	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4	
114.	Nguyễn Thị Bội Ngọc, 1971	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh Quản lý Giáo dục	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4	
115.	Nguyễn Thị Kim Ba, 1980	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4	
116.	Nguyễn Thị Thúy An, 1987	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4	
117.	Lê Xuân Quỳnh Anh, 1982	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4	
118.	Mai Văn Thống, 1963	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4	
119.	Nguyễn Ngọc Tuyên, 1965	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4	
120.	Đặng Nguyễn Phương Thảo, 1987	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4	
121.	Võ Thị Ánh Nguyệt, 1976	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng	

				quát 1, 2, 3, 4	
122.	Nguyễn Thị Diễm, 1983	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4	
123.	Đỗ Khoa, 1989	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4	
124.	Đoàn Quang Định, 1977	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4	
125.	Phan Thị Hiền, 1980	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4	
126.	Nguyễn Văn Hân, 1987	Thạc sĩ NCS	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4	
127.	Phạm Thị Ngọc Lan, 1987	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
128.	Phan Văn Quang, 1990	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4	
129.	Cảnh Chí Hoàng, 1977	Tiến sĩ		Quản trị học	
130.	Phạm Thị Ngọc Mai, 1978	Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	Quản trị học	
131.	Trần Nhân Phúc, 1979	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	
132.	Trần Thế Nam, 1977	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	
133.	Nguyễn Thị Minh Trâm, 1972	Thạc sĩ	Kinh tế	Quản trị học	
134.	Trần Văn Hưng, 1980	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	
135.	Trần Hồng Vân, 1977	Tiến sĩ	Kế toán	Kế toán tài chính 2,	
136.	Nguyễn Thị Bích Nhi, 1982	Thạc sĩ	Kế toán	Kế toán tài chính 1, kế toán thuế	
137.	Võ Thị Trúc Đào, 1988	Thạc sĩ	Kế toán	Kế toán tài chính 1	
138.	Phạm Thị Ngọc Dung, 1985	Thạc sĩ	TC NH	Kế toán HCSN	
139.	Trương Thị Mỹ Liên, 1987	Thạc sĩ	Kế toán	Kế toán HCSN	
140.	Phạm Thị Xuân Thảo, 1986	Thạc sĩ	TCNH	Kế toán tài chính 1, kế toán thuế...	
141.	Phan Thị Huyền, 1985	Thạc sĩ 2012, 2019	Kinh tế, Kế toán	Kế toán tài chính 1, 3	
142.	Phạm Huỳnh Lan Vi, 1973	Thạc sĩ 2006	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý kế toán, kế toán tài chính 1, Kế toán tài chính 2; Kế toán HCSN	
143.	Trần Thị Nguyệt Nga, 1984	Thạc sĩ, 2016	Kế toán	Kế toán tài chính 1, Kế toán tài chính 3	
144.	Võ Thị Thu Hà, 1987	Thạc sĩ, 2013	Tài chính ngân hàng	Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính 1, Kế toán ngân hàng	
145.	Dương Hoàng Ngọc Khuê,	Thạc sĩ,	Kế toán	Nguyên lý kế toán,	

	1980	2007		Kiểm toán căn bản, kế toán chi phí, kế toán quản trị 2	
146.	Trần Thị Phương Lan, 1975	GVC, Thạc sĩ 2006	Kế toán	Kế toán chi phí, kế toán quản trị 1, kế toán quản trị 2	
147.	Nguyễn Thị Hồng Liên	Thạc sĩ		Kế toán quản trị 1, kế toán quản trị 2	
148.	Dương Thị Thùy Liên 1988	Thạc sĩ 2015	Tài chính - Ngân hàng	Kế toán chi phí, kế toán quản trị 1, kế toán quản trị 2	
149.	Trương Thảo Nghi 1989	Thạc sĩ	QTKD	Kế toán quản trị 1, Kế toán chi phí	
150.	Nguyễn Huỳnh Nam, 1973	Thạc sĩ	Tài chính - Doanh nghiệp	Kiểm toán căn bản, Kiểm toán báo cáo tài chính 1,2; Kiểm toán hoạt động, kiểm toán nhà nước	
151.	Ngô Nhật Phương Diễm, 1978	Tiến sĩ 2019	Kế toán	Nguyên lý kế toán, Kiểm toán báo cáo tài chính 1, 2, kế toán quản trị...	
152.	Nguyễn Thị Ngọc Oanh, 1991	Thạc sĩ	Kế toán	Nguyên lý kế toán, Kiểm toán căn bản.	
153.	Ung Hiền Nhã Thi, 1988	Thạc sĩ, 2014	Tài chính – Ngân hàng	Nguyên lý kế toán, Kiểm toán căn bản, Kiểm soát nội bộ	
154.	Nguyễn Thị Minh Hằng, 1984	Thạc sĩ	TCNH	Kiểm toán căn bản, kiểm toán báo cáo tài chính 1, kiểm toán nhà nước	
155.	Phan Thị Bích Ngọc, 1981	Thạc sĩ	Kế toán, Kiểm toán và Phân tích TCDN	Nguyên lý kế toán, Kiểm toán căn bản, Kiểm soát nội bộ	
156.	Nguyễn Thu Hiền, 1975	Thạc sĩ	Kinh tế	Nguyên lý kế toán, kế toán tài chính, kế toán chi phí, kế toán quản trị	
157.	Nguyễn Thị Thanh Hiền, 1988	Thạc sĩ, 2018	Kế toán	Kiểm toán căn bản, kiểm toán báo cáo tài chính 1	

Danh sách giảng viên giảng dạy các học phần kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

TT	HỌ VÀ TÊN, NĂM SINH	HỌC VỊ	NGÀNH/ CHUYÊN NGÀNH	MÔN HỌC GIẢNG DẠY	GHI CHÚ
-----------	----------------------------	---------------	----------------------------	--------------------------	----------------

1.	Trương Thành Công, 1980	Tiến sĩ	Khoa học máy tính, Công nghệ truyền thông và toán ứng dụng	An toàn thông tin, Lập trình C#, Khai phá dữ liệu	
2.	Vũ Thị Thanh Hương, 1979	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	Cơ sở dữ liệu, Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu, Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu 1, Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu nâng cao	
3.	Trương Đình Hải Thụy, 1974	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị dự án công nghệ thông tin, Kế toán máy, Tin học đại cương	
4.	Bùi Mạnh Trường	Cử nhân, Cao học	Hệ thống thông tin	Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị dự án công nghệ thông tin, Tin học đại cương	
5.	Nguyễn Thanh Bình, 1983	Thạc sĩ	Đảm bảo toán học cho máy tính và hệ thống tính toán	Cơ sở lập trình, Toán rời rạc, Tin học đại cương	
6.	Nguyễn Thanh Trường, 1971	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	Lập trình Java, Lập trình C#, Tin học đại cương	
7.	Trần Thanh San, 1970	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Cơ sở lập trình, Lập trình C#, Tin học đại cương	
8.	Nguyễn Quốc Thanh, 1978	Thạc sĩ	Truyền dữ liệu và mạng máy tính	Toán rời rạc, Cấu trúc dữ liệu và giải thuật, Hệ quản trị cơ sở dữ liệu 1, Hệ quản trị cơ sở dữ liệu 2, Tin học đại cương	
9.	Lê Thị Kim Thoa, 1979	Thạc sĩ	Kế toán	Kế toán máy, Hệ thống thông tin kế toán, Cơ sở dữ liệu, Hệ quản trị cơ sở dữ liệu, Tin học đại cương	
10	Trần Trọng Hiếu, 1966	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Cơ sở lập trình, Cấu trúc dữ liệu và giải thuật, Tin học đại cương	
11	Nguyễn Thị Trần Lộc, 1984	Thạc sĩ	Kỹ thuật	Khai phá dữ liệu, Thương mại điện tử, Quản trị dự án công	

				nghệ thông tin, Hệ hỗ trợ ra quyết định, Tin học đại cương	
12	Huỳnh Ngọc Thành Trung, 1976	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Kế toán máy, Hệ thống thông tin kế toán, Phát triển hệ thống thông tin trên các framework, Kế toán máy, Tin học đại cương	
13	Trần Anh Sơn, 1971	Thạc sĩ	Tài chính Bảo hiểm	Hệ thống thông tin quản lý, Thương mại điện tử	
14	Lâm Hoàng Trúc Mai, 1987	Thạc sĩ	Kỹ thuật	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp, Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	
15	Phạm Thủy Tú, 1985	Tiến sĩ, ThS: Hệ thống thông tin	Tài chính	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin, Phân tích thiết kế hướng đối tượng, Lập trình trên thiết bị di động	
16	Đinh Nguyễn Thúy Nguyệt, 1988	Thạc sĩ	Kỹ thuật	Cơ sở dữ liệu, Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp, Kiểm thử phần mềm	
17	Tôn Thất Hòa An, 1962	Tiến sĩ	Khoa học máy tính	Điện toán đám mây, Thương mại điện tử, Khai phá dữ liệu	
18	Võ Xuân Thê, 1970	GVC, Thạc sĩ	Tin học	Lập trình web, Lập trình kế toán, An toàn thông tin, Phân tích thiết kế hệ thống thông tin, Phân tích thiết kế hướng đối tượng	
19	Nguyễn Huy Khang, 1974	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	Cơ sở lập trình, Cấu trúc dữ liệu và giải thuật, Phát triển hệ thống thông tin trên các framework, Kiểm thử phần mềm	
20	Trương Xuân Hương, 1985	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Cơ sở dữ liệu, Hệ quản trị cơ sở dữ liệu, Hệ quản trị cơ sở dữ	

			liệu 1, Lập trình web	
--	--	--	-----------------------	--

PHỤ LỤC 2
CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO

1. Các cơ sở, phòng học, giảng đường, phòng thực hành, phòng mô phỏng, trang thiết bị phục vụ giảng dạy

1.1. Diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng

ST	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng	64.972,9	62.472,9		2.500
	Trong đó:				
a	778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp. HCM	13.144,3	13.144,3		
b	27 Tân Mỹ, phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Tp. HCM	9.160	9.160		
c	B2/1A đường 385, phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM	39.576	39.576		
d	306 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 1, quận Tân Bình, Tp. HCM	444,6	444,6		
e	343/4 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 1, quận Tân Bình, Tp. HCM	148	148		
f	2C Phở Quang, phường 2, quận Tân Bình, Tp. HCM	2.500			2.500
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học	39.760	32.407		7.353
	Trong đó:				
a	778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp. HCM	3.747	3.747		
b	27 Tân Mỹ, phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Tp. HCM	11.451	11.451		

c	B2/1A đường 385, phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM	16.275	16.275		
d	306 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 1, quận Tân Bình, Tp. HCM	688	688		

1.2. Các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu

ST T	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng thí nghiệm	0						
2	Phòng thực hành	46	Học tin học, tiếng Anh, thực hành doanh nghiệp ảo	Sinh viên, giảng viên	3.409	3.409		
3	Xưởng thực tập	0						
4	Nhà tập đa năng	4	Tập luyện thể thao	Học viên, sinh viên, CBVC	2.765	2.765		
5	Hội trường	6	Tổ chức hội nghị, hội thảo, sự kiện ...	Học viên, sinh viên, CBVC	3.411,3	2.771,3		640
6	Phòng học	296	Giảng dạy, học tập	Học viên, sinh viên, giảng viên	24.533	18.909		5.624
7	Phòng học đa phương tiện	0						
8	Thư viện	3	Phục vụ giảng dạy, học tập và NCKH	Học viên, sinh viên, CBVC	2.817	2.417		400
9	Trung tâm học liệu	0						

10	Các phòng chức năng khác	42	Phòng GV; phòng GS, PGS; phòng giảng dạy	CBVC, học viên, sinh viên	2.825	2.136		689
----	--------------------------	----	--	---------------------------	-------	-------	--	-----

2. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo

2.1. Thư viện

- Tổng diện tích thư viện: 2.080 m², trong đó có 1.300 m² là diện tích phòng đọc. Thư viện được đặt tại các cơ sở:

- Cơ sở 1: 2/4 Trần Xuân Soạn, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7.
- Cơ sở 2: 2C Phô Quang, Phường 2, Quận Tân Bình.
- Cơ sở 3: B2/1A Đường 385, Phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9.

- Phần mềm quản lý thư viện: PSC Zlis 7.0

- Đã có thư viện điện tử, đã kết nối với các cổng thông tin điện tử như:

- Cổng thông tin Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ.
- Cơ sở dữ liệu sách điện tử IGP.
- Cơ sở dữ liệu kết quả nghiên cứu quốc gia.
- Ebooks của Nhà xuất bản Tổng hợp.
- Cơ sở dữ liệu điện tử Proquest.
- Tài liệu thuê quyền truy cập từ NXB Tổng hợp: 300.

STT	Nội dung	Số lượng
1	Số phòng đọc	5
2	Số chỗ ngồi đọc	300
3	Số máy tính của thư viện phục vụ tra cứu	101
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	21.177
4.1	Tài liệu dạng in	
4.1.1	Sách	17.235 tựa/ 56.434 bản
4.1.2	Luận văn Thạc sĩ	2.417

4.1.3	Chuyên đề tốt nghiệp	1.480
4.1.4	Báo - tạp chí	10 tựa báo, 31 tựa tạp chí và bản tin
4.2	Tài liệu điện tử	
4.2.1	Luận văn Thạc sỹ	2.207
4.2.2	Bài trích Báo – Tạp chí	411
4.2.3	Chuyên đề tốt nghiệp	99
4.2.4	Sách, tài liệu nghiên cứu khoa học	167
4.2.5	Cơ sở dữ liệu	Nasati (Gói dữ liệu của Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia, bao gồm: STD-Tài liệu KH&CN Việt Nam, Nhiệm vụ KH&CN Việt Nam, ScienceDirect, Scopus, ProQuest Central, IEEE Xplore DigitalLibrary, pringerNature ...)
		Emerald
		Sage
		Bộ Dữ liệu Kinh tế - Tài chính - Vĩ mô (FiinPro)
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	2

3. Giáo trình, tài liệu học tập

TT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Sử dụng cho HP
1.	Giáo trình Triết học Mác-Lênin (Sử dụng trong các trường ĐH - Hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo		2021	Triết học Mác – Lênin
2.	Tài liệu học tập Triết học Mác-Lênin	Trường Đại học Tài chính – Marketing		2021	

3.	Giáo trình Triết học Mác-Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)		Chính trị Quốc gia sự thật	2021	
4.	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin: Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh	Nguyễn Việt Thông và cộng sự	Chính trị Quốc gia	2009	
5.	Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia sự thật	2021	Kinh tế chính trị Mác – Lênin
6.	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2012	
7.	Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị Quốc gia	2021	
8.	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Sử dụng trong các trường Đại học - Hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo		2021	Chủ nghĩa xã hội khoa học
9.	Tài liệu học tập Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học	Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Tài chính – Marketing	Lưu hành nội bộ	2020	
10.	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Sử dụng trong các trường ĐH – Hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo		2021	
11.	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2021	
12.	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (phần 1)	Trường ĐH Tài chính-Marketing,	Lưu hành nội bộ	2015	
13.	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2021	Tư tưởng Hồ Chí Minh

	luận chính trị)				
14.	Tài liệu học tập Tư tưởng Hồ Chí Minh (lưu hành nội bộ)	Trường ĐH Tài chính-Marketing,	Lưu hành nội bộ	2021	
15.	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII, VIII, IX, X, XI, XII, XIII	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị Quốc gia		
16.	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh	Đặng Xuân Kỳ	Chính trị Quốc gia	2012	
17.	Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia, 2011	Đại tướng Võ Nguyên Giáp	Chính trị Quốc gia	2011	
18.	Hồ Chí Minh toàn tập (Tập 1 – 15)		Chính trị Quốc gia	2011	
19.	Hồ Chí Minh – Tiểu sử	Song Thành và cộng sự	Lý luận chính trị	2006	
20.	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		Chính trị Quốc gia	2021	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
21.	Tài liệu học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (lưu hành nội bộ)	Trường Đại học Tài chính – Marketing	Lưu hành nội bộ	2021	
22.	Giáo trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia	Chính trị Quốc gia	2018	
23.	Một số chuyên đề lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (tập I, II và III)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2007	
24.	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2006	
25.	Tập bài giảng Pháp luật đại cương	Bộ môn Luật, Trường Đại học Tài chính – Marketing	Lưu hành nội bộ		Pháp luật đại cương
26.	Giáo trình lí luận nhà nước và pháp luật	Trường Đại học Luật Hà Nội	Công an nhân dân		

27.	Giáo trình Pháp luật đại cương	Khoa luật - ĐH Kinh tế quốc dân	Đại học Kinh tế quốc dân		
28.	Giáo trình Pháp luật về tài sản, quyền sở hữu tài sản và quyền thừa kế	Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh	Hồng Đức	2012	
29.	Giáo trình pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh	Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam	2014	
30.	Giáo trình Luật tố tụng dân sự Việt Nam	Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh	Hồng Đức	2013	
31.	Các văn bản dưới Luật: Hiến pháp 2013 Bộ luật Dân sự 2015 - Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 - Bộ luật Lao động 2019 - Luật Ban hành văn bản QLPL 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) - Các văn bản dưới luật có liên quan.				
32.	Personal Best – Student’s book – B1+ (A) Intermediate				Tiếng Anh tổng quát 1
33.	Personal Best – Workbook – B1+ (A) Intermediate				Tiếng Anh tổng quát 1
34.	Personal Best – Student’s book – B1+ (B) Intermediate				Tiếng Anh tổng quát 2
35.	Personal Best – Workbook – B1+ (B) Intermediate				Tiếng Anh tổng quát 2
36.	Business Result – Pre-intermediate				Tiếng Anh tổng quát 3
37.	Business Result – Pre-intermediate				Tiếng Anh tổng quát 4

38.	Bài giảng Toán cao cấp	Trường Đại học Tài chính – Marketing	Lưu hành nội bộ	2009	Toán cao cấp
39.	Toán cao cấp cho các nhà kinh tế	Lê Đình Thúc	Đại học kinh tế Quốc Dân	2010	
40.	Toán cao cấp	Trần Minh Thuyết – Trường Đại học Tài chính – Marketing	Tài Chính	2007	
41.	Fundamental Methods of Mathematical Economics	Alpha C. Chiang	McGraw-Hill		
42.	Calculus Early Transcendentals, 6e	James Stewart	Thomson Learning	2008	
43.	Hướng dẫn tự học Kinh tế vi mô	Bộ môn Kinh tế học, Khoa Cơ bản, Trường Đại học Tài chính - Marketing	Lưu hành nội bộ	2018	Kinh tế vi mô 1
44.	Kinh tế học Vi mô	David Begg, Stanley Fischer and Rudiger Dornbusch (Nhóm giảng viên ĐH Kinh tế Quốc dân dịch)	Thống kê	2018	
45.	Kinh tế vi mô	Lê Bảo Lâm	Kinh tế TpHCM	2017	
46.	Microeconomics	7th N.Gregory Mankiw	Worth Publishers	2010	
47.	Hướng dẫn tự học Kinh tế vĩ mô	Nhóm tác giả Bộ môn Kinh tế học, Khoa Cơ bản, Trường Đại học Tài chính - Marketing	Lưu hành nội bộ	2018	
48.	Kinh tế học Vĩ mô	Nhóm giảng viên Khoa Kinh tế học, trường Đại học Kinh tế quốc dân dịch	Thống kê	2018	Kinh tế vĩ mô 1
49.	Nguyên lý kế toán	Thiều Thị Tâm, Trần Hồng Vân, Dương Hoàng Ngọc Khuê, Phạm Huỳnh Lan Vi, Lê Quang Mẫn	Lưu hành nội bộ	2018	
50.	Giáo trình Nguyên lý Kế toán	Khoa Kế toán Kiểm toán, trường Đại học Tài chính –	Lưu hành nội bộ	2017	

		Marketing			
51.	Bài tập Nguyên lý Kế toán	Khoa Kế toán Kiểm toán, trường Đại học Tài chính – Marketing	Lưu hành nội bộ	2017	
52.	Nguyên lý kế toán	Trường Đại học Kinh tế Tp.HCM	Thống Kê	2017	
53.	Nguyên lý kế toán	Vũ Hữu Đức (c.b); Lê Thị Khoa Nguyên; Lê Thị Minh Châu; ...và nhiều tác giả	Lao động	2017	
54.	Luật kế toán		Chính trị quốc gia	2018	
55.	Nguyên lý Marketing	Tập thể khoa Marketing Trường ĐH Tài chính – Marketing	Thống kê	2012	Nguyên lý marketing
56.	Nguyên lý Marketing	TS. Ngô Thị Thu	Lưu hành nội bộ	2018	
57.	Giáo trình Quản trị học	Cảnh Chí Hoàng	Lưu hành nội bộ	2021	Quản trị học
58.	Quản trị học	Khoa QTKD, Trường Đại học Kinh tế Tp.HCM	Kinh tế Tp.HCM	2015	
59.	Những cốt yếu của quản lý	Harold Koontz và cộng sự	Khoa học Kỹ thuật Hà Nội	1998	
60.	Quản trị học	Phan Thăng & Nguyễn Thanh Hội	Hồng Đức	2012	
61.	Bài giảng Lý thuyết Xác suất và Thống kê toán	Bộ môn Toán – Thống kê, Trường ĐH Tài chính – Marketing	Lưu hành nội bộ	2013	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng
62.	Xác suất thống kê	Đào Hữu Hồ	Đại học Quốc gia Hà nội	2006	
63.	Thống kê và ứng dụng	Đặng Hùng Thắng	Giáo dục	1999	

64.	Bài tập xác suất và Thống kê Toán học	Nguyễn Đình Cử, Trương Diêu	Đại học Kinh tế quốc dân	1992	
65.	Lý thuyết xác suất và Thống kê toán	Nguyễn Cao Văn, Trần Thái Ninh	Khoa học Kỹ thuật	1996	
66.	Giáo trình Toán rời rạc	Võ Văn Tuấn Dũng	Nhà xuất bản Lao động – Xã hội	2010	Toán rời rạc
67.	Toán rời rạc nâng cao	Trần Ngọc Danh	Nhà xuất bản Đại học quốc gia TpHCM	2005	
68.	Discrete Mathematics and Its Applications	Kenneth H. Rosen	McGraw-Hill	2018	
69.	Introduction to Information Systems 15th edition	James A. O'Brien, George M. Marakas	McGraw-Hill Irwin	2015	Hệ thống thông tin quản lý
70.	Introduction to Information Systems	T. Cornford, M. Shaikh	University of London	2013	
71.	Bài giảng Hệ thống thông tin quản lý	Lâm Hoàng Trúc Mai	Khoa CNTT Lưu hành nội bộ	2018	
72.	Tập bài giảng Cơ sở lập trình	Nhóm GV Khoa CNTT	Khoa CNTT Lưu hành nội bộ		Cơ sở lập trình
73.	C: The Complete Reference (4th Edt)	Herbert Schildt	Osborne / McGraw-Hill..	2017	
74.	C Programming in easy steps (5th Edt)	Mike McGrath	In Easy Steps Limited	2018	
75.	Tập bài giảng Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Phạm Thủy Tú, Trương Xuân Hương & Lâm Hoàng Trúc Mai	Khoa CNTT Lưu hành nội bộ	2018	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật
76.	Problem Solving in Data Structure & Algorithms Using C	Hemant Jain	Bhopal (India)	2017	
77.	A Common-Sense Guide to Data Structures and Algorithms, Second Edition: Level Up Your	Jay, W.	Pragmatic Bookshelf..	2020	

	Core Programming Skills (2nd Edition)				
78.	Bài giảng môn Cơ sở dữ liệu	Trần Minh Tùng, Trần Thanh Sơn	Khoa CNTT Lưu hành nội bộ	2019	Cơ sở dữ liệu
79.	Giáo trình Cơ sở dữ liệu	Đông Thị Bích Thủy, Nguyễn Trần Minh Thư, Phạm Thị Bạch Huệ	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật	2015	
80.	SQL and Relational Theory	C.J.Date	O'Reilly Media	2015	
81.	System Analysis and Design	Alan Dennis, Barabara Haley Wixom	Wiley	2015	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin
82.	Essentials of Systems Analysis and Design	Joseph Valacich, Joey George, Jeffrey A. Hoffer	Peason	2014	
83.	Bài giảng Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	Phạm Thủy Tú	Khoa CNTT Lưu hành nội bộ	2021	
84.	Tài liệu học tập An toàn Thông tin	Võ Xuân Thế	Khoa CNTT Lưu hành nội bộ	2018	An toàn thông tin
85.	Giáo trình Điện Toán Đám Mây	Tôn Thất Hòa An	UFM	2020	Điện toán đám mây
86.	Cloud Computing – A Practical Approach.	Velte, A. T., Velte, T. J., & Elsenpeter R.	USA: The McGraw-Hill.	2010	
87.	Cloud Computing - Principles, Systems and Applications	Antonopoulos, N., & Gillam, L.	UK: Springer-Verlag London Limited	2010	
88.	Tập bài giảng kế toán máy	Nhóm GV Khoa CNTT	Khoa CNTT Lưu hành nội bộ		Kế toán máy
89.	<i>Beginning C# 7 Programming with Visual Studio 2017</i>	Benjamin Perkins, Jacob Vibe Hammer, Jon D. Reid		2017	Lập trình kế toán
90.	Visual C# and Databases: A Step-By-Step Database Programming Tutorial	Philip Conrod, Lou Tylee		2017	
91.	Tập bài giảng Lập	Nhóm GV Khoa	Khoa CNTT		

	trình kế toán	CNTT	Lưu hành nội bộ		
92.	.NET toàn tập: Tập 5, Lập trình Web dùng ASP.NET và C#	Dương Quang Thiện	NXB Tổng hợp Tp.HCM	2018	Lập trình Web
93.	Pro ASP.NET 5 MVC6	Adam Freeman	Apress Publishing	2018	
94.	Bài giảng Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server	Trần Minh Tùng, Trần Thanh San	Khoa CNTT Lưu hành nội bộ	2019	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu
95.	Introducing Microsoft SQL Server 2016	Stacia Varga, Denny Cherry, Joswph D'Antoni	Microsoft Press	2016	
96.	T-SQL Fundamentals	Itzik Ben-Gan	Microsoft Press	2016	
97.	Bài giảng kế toán tài chính 1	Dương Hoàng Ngọc Khuê, Phạm Huỳnh Lan Vi	Khoa Kế toán Lưu hành nội bộ	2019	Kế toán tài chính 1
98.	Bài giảng kế toán tài chính 2	Trần Hồng Vân, Phạm Huỳnh Lan Vi	Khoa Kế toán Lưu hành nội bộ	2019	Kế toán tài chính 2
99.	Bài giảng Kế toán Tài chính 3	Nhóm GV khoa Kế toán	Khoa Kế toán Lưu hành nội bộ		Kế toán tài chính 3
100.	Tài liệu học tập Hệ thống thông tin kế toán	Huỳnh Ngọc Thành Trung	Khoa CNTT Lưu hành nội bộ	2019	Hệ thống thông tin kế toán
101.	Hệ thống thông tin kế toán	Nguyễn Bích Liên	nhà xuất bản Kinh tế TP. HCM	2016	
102.	Systems Analysis and Design: An Object-Oriented Approach with UML	Alan Dennis, Barbara Haley Wixom, David Tegarden	Wiley	2015	Phân tích và thiết kế hướng đối tượng
103.	Object Oriented Analysis and design	P.Krishna Sankar, N.P. Shangaranarayane	Anna University	2016	
104.	Tập bài giảng Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	Trần Minh Tùng	Khoa CNTT Lưu hành nội bộ	2018	
105.	Bài giảng môn Quản trị dự án công nghệ thông tin	Trương Đình Hải Thụy	Khoa CNTT Lưu hành nội bộ	2019	Quản trị dự án công nghệ thông tin

106.	Microsoft Project 2016	Carl Chatfield, PMP, Timothy Johnson	Microsoft Press	2016	
107.	Project Management for Information Systems	James Cadle, Donald Yeates	Pearson	2016	
108.	Software Quality Assurance and Testing for Beginners	Nitin C Shah		2019	
109.	The Way of the Web Tester A Beginner's Guide to Automating Tests	Jonathan Rasmusson		2016	Kiểm thử phần mềm
110.	Kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm	Thạc Bình Cường, Nguyễn Đức Mận	Nhà xuất bản Bách Khoa – Hà Nội	2011	
111.	Mobile App Development with Ionic, Revised Edition: CrossPlatform Apps with Ionic, Angular, and Cordova	Chris Griffith	O'Reilly Media	2017	Phát triển hệ thống thông tin trên các framework
112.	Learning Web App Development: Build Quickly with Proven JavaScript Techniques	Semmy Purewal	O'Reilly Media	2014	
113.	Analytics, Data Science, & Artificial Intelligence: Systems for Decision Support	Ramesh Sharda, Dursun Delen, Efraim Turban	Pearson	2019	Hệ hỗ trợ ra quyết định
114.	Decision Support, Analytics, and Business Intelligence 3 rd edition	Daniel J. Power and Ciara Heavin	Business Expert Press	2017	
115.	Bài giảng Hệ hỗ trợ ra quyết định	Nguyễn Thị Trần Lộc	Khoa CNTT Lưu hành nội bộ	2019	
116.	Complete Guide to	Microsoft Corp		2018	Quản trị

	Setting Up ASP.NET 5 MVC 6 for Stand Alone and IIS Servers				web
117.	Professional ASP.NET 5 Security, Membership, and Role Management with C# and VB	Bilal Haidar	Wiley Publishing, Inc.	2019	
118.	E-Commerce 2019: Business, Technology and Society	Kenneth C.Laudon, Carol Guercio Traver	Pearson Education	2019	
119.	Electronic Commerce 2018: A managerial and Social Network Perspective	Efraim Turban, David King, Jae Kyu Lee Ting-Peng Liang, Deborrah C.Turan	Springer International Publishing AG 2018	2018	Thương mại điện tử
120.	Bài giảng “Thương mại điện tử”	Nhóm GV Khoa CNTT	Khoa CNTT Lưu hành nội bộ		
121.	SQL Server 2017 Administration Inside Out	William Assaf, Randolph West, Sven Aelterman, Mindy Curnutt	Pearson Education,INC	2018	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu
122.	Professional Microsoft SQL Server 2016 Reporting Services and Mobile Reports	Paul Turley	Wiley Brand	2016	nâng cao